

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

# **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên : Đào Thị Phương**

**Giảng viên hướng dẫn : Th.s Trần Thị Thanh**

**Phương**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên : Đào Thị Phương**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thanh**

**Phương**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đào Thị Phương

Mã SV: 110497

Lớp: QT 1104K

Ngành: Kế toán – kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết

quả kinh doanh tại công ty cổ phần Xuân Thủy.

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp  
( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - + Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - + Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Xuân Thủy.
  - + Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Xuân Thủy, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Số liệu năm 2010 của công ty cổ phần Xuân Thủy.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Xuân Thủy.....

.....

.....

### CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

#### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị:.. Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường đại học dân lập hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Xuân Thủy

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

### **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**



- + Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- + Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- + Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- + Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- + Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(họ tên và chữ ký)*

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	01
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.</b> .....	02
1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	02
1.1.1. Khái niệm doanh thu, thu nhập khác .....	02
1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí .....	04
1.1.3. Khái niệm và cách xác định kết quả kinh doanh .....	07
1.2. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	08
1.2.1. Ý nghĩa .....	08
1.2.1. Nhiệm vụ .....	10
1.3. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	11
1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác .....	11
1.1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	11
1.1.3.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	22
1.1.3.3. Kế toán thu nhập khác .....	24
1.3.2. Tổ chức kế toán chi phí .....	26
1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán .....	27
1.3.2.2. Kế toán chi phí bán hàng .....	32
1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	34
1.3.2.4. Kế toán chi phí tài chính .....	36
1.3.2.5. Kế toán thu chi phí khác .....	37
1.3.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	39
1.3.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	41

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	43
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	43
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái .....	44
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	45
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	46
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	47
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY .....</b>	<b>48</b>
2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY .....	48
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	48
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	49
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	50
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....	53
2.1.5. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	54
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY .....	57
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.....	57
2.2.1.1. <i>Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....</i>	<i>57</i>
2.2.1.2. <i>Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>69</i>
2.2.1.3. <i>Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>74</i>
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.....	75
2.2.2.1. <i>Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán .....</i>	<i>76</i>
2.2.2.2. <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tài chính .....</i>	<i>80</i>
2.2.2.3. <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng .....</i>	<i>80</i>

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

2.2.2.4. <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i> .....	80
2.2.2.5. <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí khác</i> .....	85
2.2.3. <i>Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh</i> .....	85
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY</b> .....	96
3.1. <b>ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY</b> .....	96
3.1.1. <i>Kết quả đạt được</i> .....	96
3.1.2. <i>Hạn chế</i> .....	97
3.1.2.1. <i>Về tài khoản sử dụng</i> .....	97
3.1.2.2. <i>Về sổ sách sử dụng</i> .....	97
3.1.2.3. <i>Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán</i> .....	98
3.1.2.4. <i>Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán</i> .....	98
3.2. <b>SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY</b> .....	99
3.3. <b>GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY</b> .....	99
3.3.1. <i>Hoàn thiện tài khoản sử dụng</i> .....	99
3.3.2. <i>Hoàn thiện sổ sách sử dụng</i> .....	100
3.3.3. <i>Giải pháp về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán</i> .....	112
3.3.4. <i>Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán</i> .....	113
<b>KẾT LUẬN</b> .....	118
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	119

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## LỜI MỞ ĐẦU

Công tác kế toán tại doanh nghiệp là một kênh cung cấp thông tin quan trọng giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra các quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác trong tình hình cạnh tranh hiện nay.

Nền kinh tế Việt Nam đang không ngừng phát triển thì kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong công tác quản lý tài chính chung của Nhà nước và doanh nghiệp. Với việc tham gia vào các tổ chức lớn các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới. Vì vậy để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Xuân Thủy em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Xuân Thủy”**.

Kết cấu bài khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Xuân Thủy.**

**Chương 3: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Xuân Thủy.**

Do trình độ lý luận và tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến của Ban giám đốc, cán bộ, nhân viên phòng kế toán cùng các thầy cô giáo, các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

### 1.1.1. Khái niệm doanh thu, thu nhập khác.

- **Khái niệm doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu:**

- ✓ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu:*

- *Doanh thu bán hàng:* Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn....

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

- + *Chiết khấu thương mại:* Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

+ *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận thanh toán) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết, không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại... Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn hàng bán bị trả lại cùng với thuế GTGT đầu ra phải nộp cho hàng bán bị trả lại.

✓ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng...

✓ *Thu nhập khác*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán ngoài doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong kinh doanh (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

### **1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí:**

#### **• Khái niệm**

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

#### **• Phân loại chi phí**

✓ *Giá vốn hàng bán*: Là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, hoặc giá thành sản xuất (đối với doanh nghiệp sản xuất), giá thành sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

✓ *Chi phí bán hàng*: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.



## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

### *Chi phí bán hàng bao gồm:*

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

- Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

✓ *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là các chi phí có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý kinh doanh điều hành chung của doanh nghiệp.

### *Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:*

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, công cụ đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Thuế, phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

✓ *Chi phí hoạt động tài chính:*

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh lợi tức, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền hoặc tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.

- Chi phí cho vay và đi vay vốn.

- Chi phí góp vốn liên doanh.

- Khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.

- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

✓ *Chi phí khác*: Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.

✓ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

### **1.1.3. Khái niệm và cách xác định kết quả kinh doanh:**

#### **• Khái niệm:**

**Kết quả kinh doanh**: Là số chênh lệch cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với toàn bộ chi phí hoạt động đã thực hiện được biểu hiện dưới chỉ tiêu lỗ hoặc lãi. Hay nói cách khác kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu được xác định bằng cách lấy tổng thu từ các hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ trừ ( - ) đi tổng chi phí liên quan tới hoạt động đó.

✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh**: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

✓ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

✓ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- **Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động**

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$
$$\text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính:*

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

## **1.2. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.2.1 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.**

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính,... Cụ thể như sau:

- **Đối với các doanh nghiệp:**

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- ✓ Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- ✓ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- ✓ Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh, liên kết với các đơn vị khác.
- ✓ Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai

- **Đối với Nhà nước:**

- ✓ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân Sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị, an ninh, xã hội tốt nhất.

- ✓ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- ✓ Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

- **Đối với nhà đầu tư:**

Thông qua chỉ tiêu doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí, các định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ là cơ sở, căn cứ để các tổ chức này đề ra quyết định có cho vay hay

không? Vay với số lượng bao nhiêu? Thời gian thu hồi vốn cho vay cũng như mức lãi suất.

- **Đối với các nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, thời hạn, tiến độ thanh toán chính là căn cứ để các nhà cung cấp quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp cũng như được hưởng những ưu đãi trong quá trình mua hàng.

### **1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cũng như các hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất... Vì vậy kế toán doanh thu phải hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

- ✓ Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- ✓ Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- ✓ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hoá. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hoá bán ra.

- **Nhiệm vụ của kế toán chi phí:**

- ✓ Căn cứ quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

- ✓ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- ✓ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí cho hợp lý.

- **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- ✓ Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- ✓ Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định quản trị.
- ✓ Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá.

### **1.3. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

#### **1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác**

##### **1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Theo chuẩn mực số 14 (Ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ- BTC) thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao đổi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được các phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định



## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

- **Các phương thức bán hàng**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán với người bàn giao.

- *Phương thức chuyển giao theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hoá không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hoá trên thị trường.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp.... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

- **Các phương thức thanh toán chủ yếu:**

- *Thanh toán trực tiếp*: Là hình thức thanh toán bằng tiền mặt được thực hiện giữa người mua và người bán.

- *Thanh toán gián tiếp*: là hình thức thanh toán bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của công ty hay bù trừ công nợ giữa các đơn vị thông qua cơ quan trung gian là ngân hàng, ngân hàng là trung tâm thanh toán không dùng tiền mặt.

- **Quy trình hạch toán**

- ✓ *Chứng từ sử dụng*:

- Hoá đơn bán hàng thông thường ( Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn GTGT ( Mẫu số 01 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo có...)

- ✓ *Tài khoản sử dụng*:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 511 có 5 tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

- + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.

- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK này có kết cấu như sau:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán</li></ul>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

### TK 511 không có số dư cuối kỳ

- TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ
- Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:
- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá.
  - + TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm.
  - + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản này có kết cấu như sau:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán</li><li>- Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</li></ul>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 512 không có số dư cuối kỳ.**

- Các khoản giảm trừ doanh thu:
  - + TK 521: Chiết khấu thương mại.
- Kết cấu TK 521 như sau:

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.</li></ul>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 521 không có số dư cuối kỳ.**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại.

Kết cấu TK 531 như sau:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 531 không có số dư cuối kỳ.**

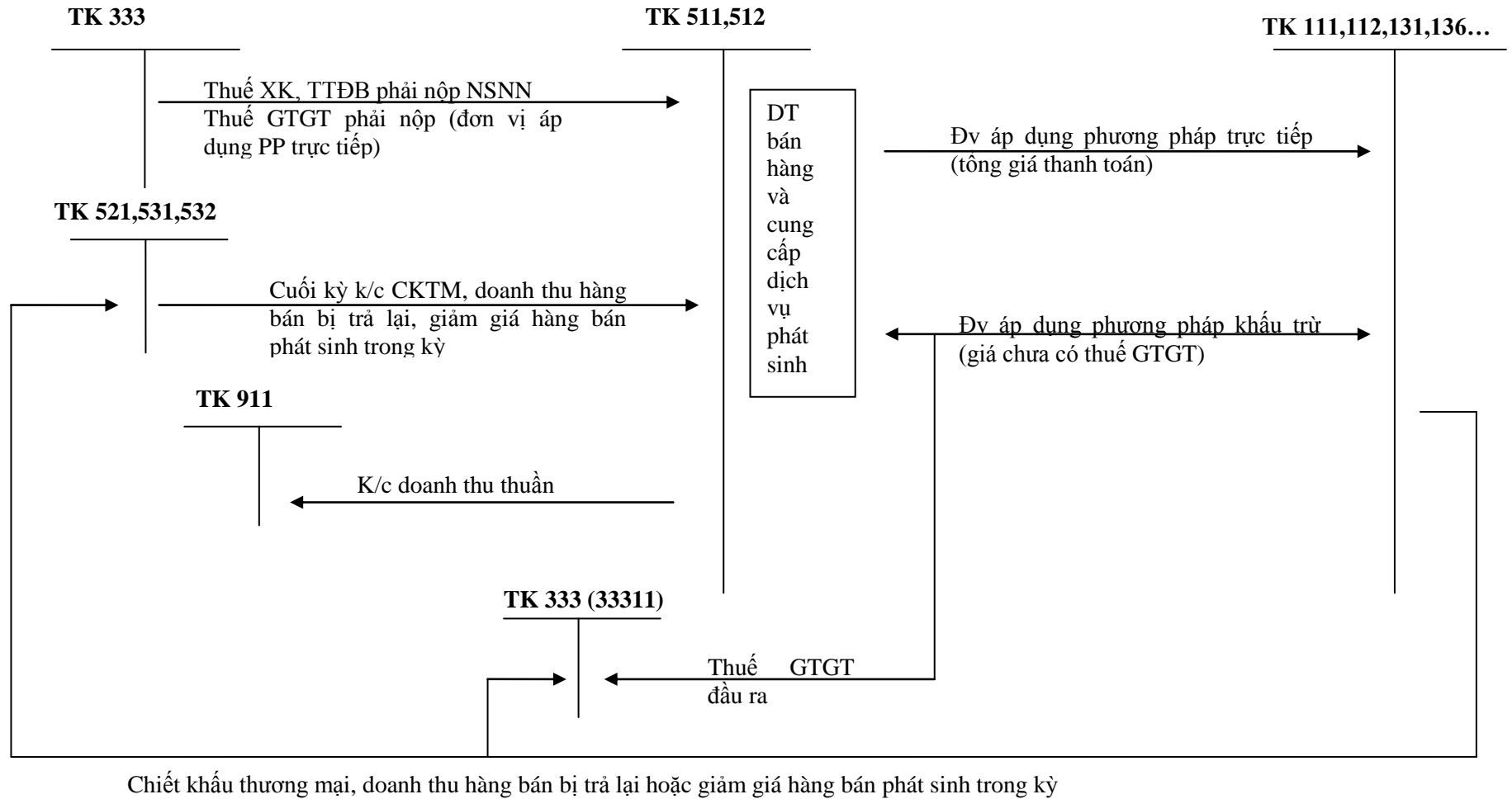
+ TK 532: Giảm giá hàng bán.

Kết cấu TK 532 như sau:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

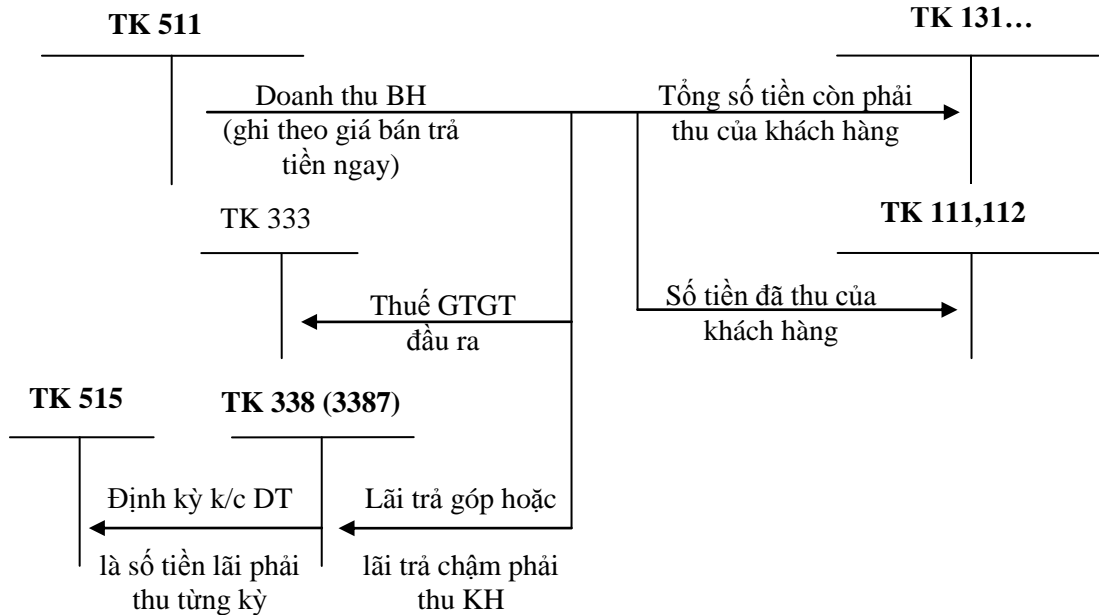
**TK 532 không có số dư cuối kỳ.**

Sơ đồ 1.1. Bán hàng theo phương thức trực tiếp

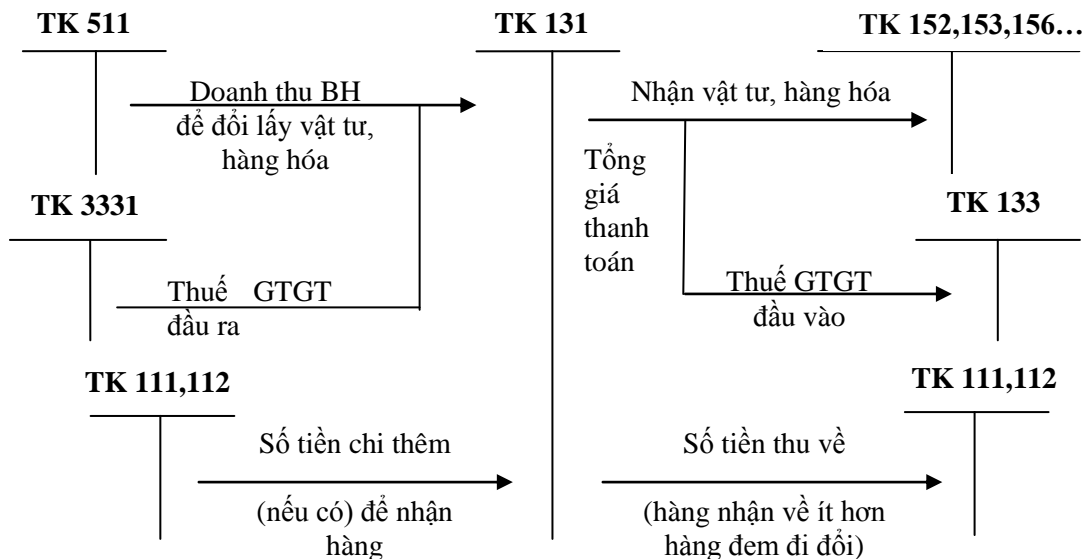


# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.2. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (trả góp)**

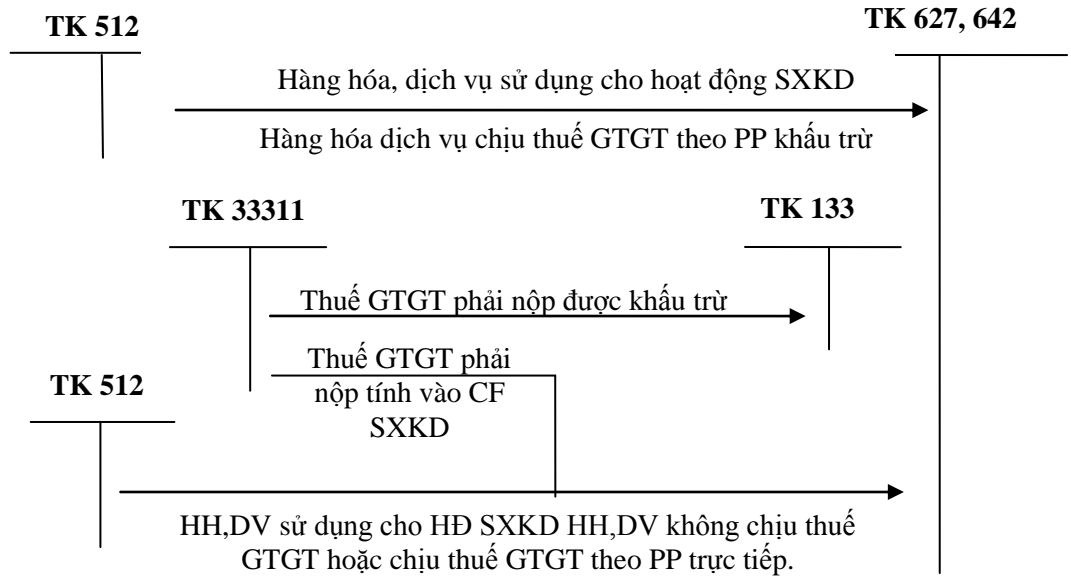


**Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

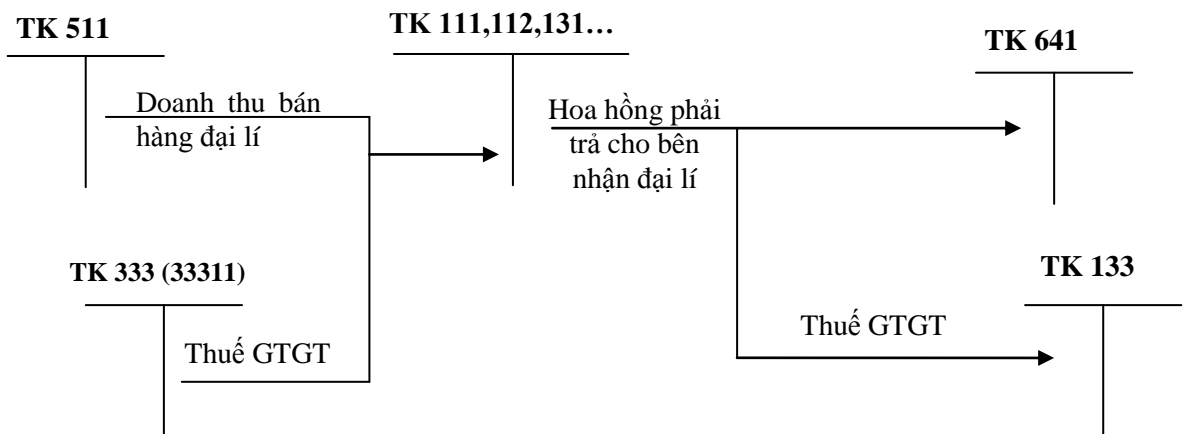


# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

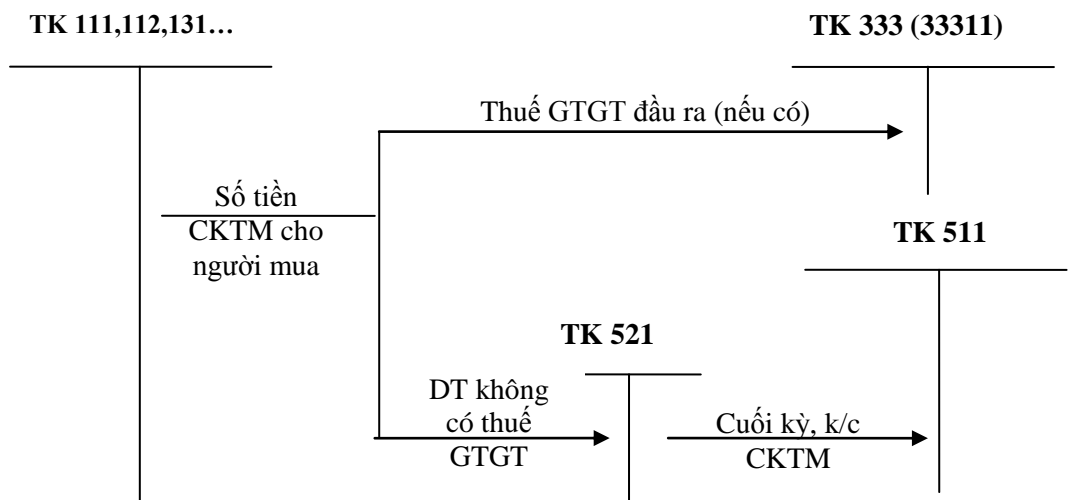
**Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng thông qua đại lí**  
(đại lí bán đúng giá hưởng hoa hồng)



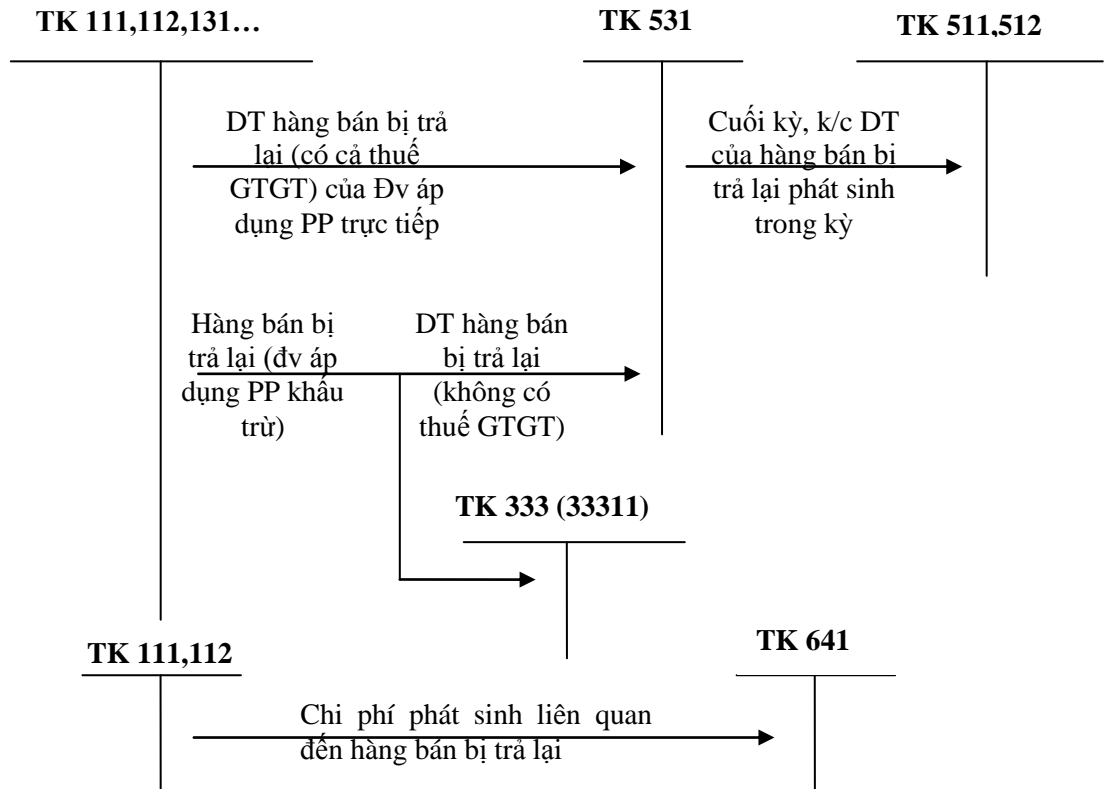
**Sơ đồ 1.6. Kế toán chiết khấu thương mại**



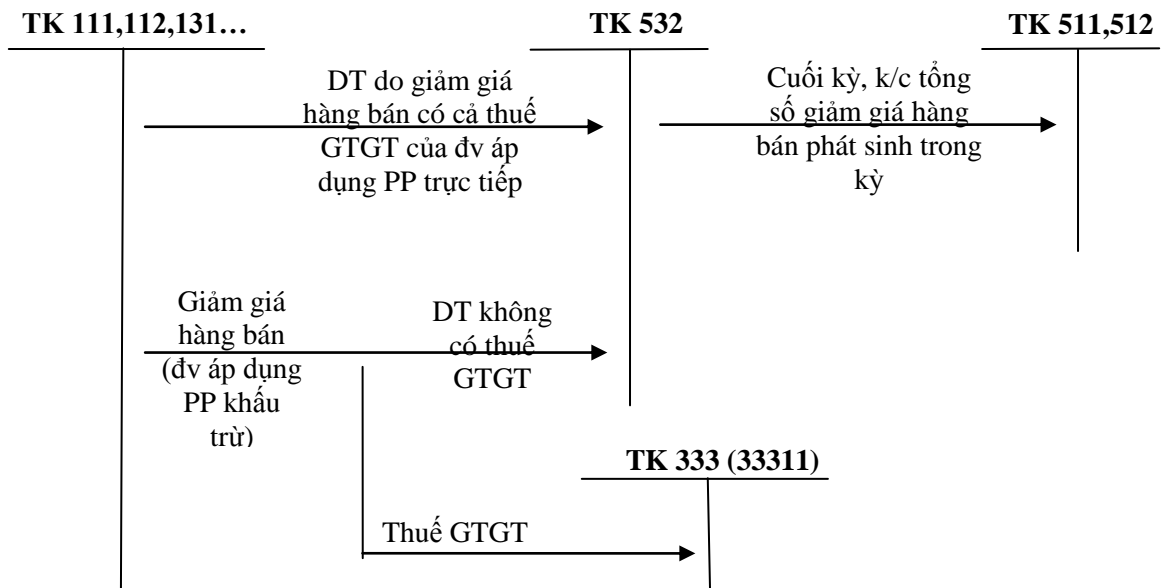


# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.7. Kế toán hàng bán bị trả lại



## Sơ đồ 1.8. Kế toán giảm giá hàng bán



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

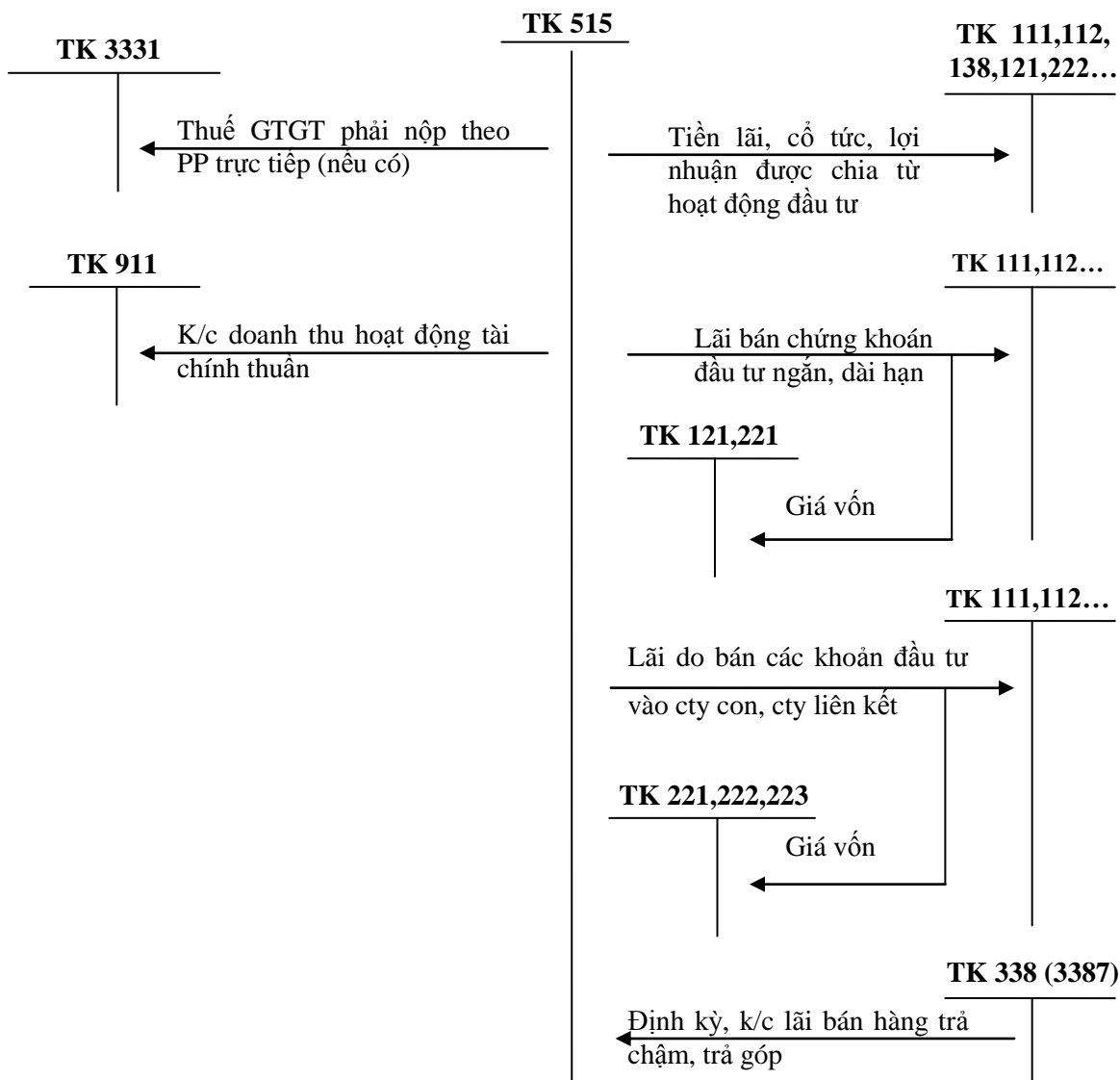
- ✓ *Chứng từ:* Phiếu thu, giấy báo có, phiếu kế toán ...
- ✓ Tài khoản sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li><li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;</li><li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;</li><li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</li><li>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính</li><li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ</li></ul>
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

**TK 515 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 1.3.1.3. Kế toán thu nhập khác:

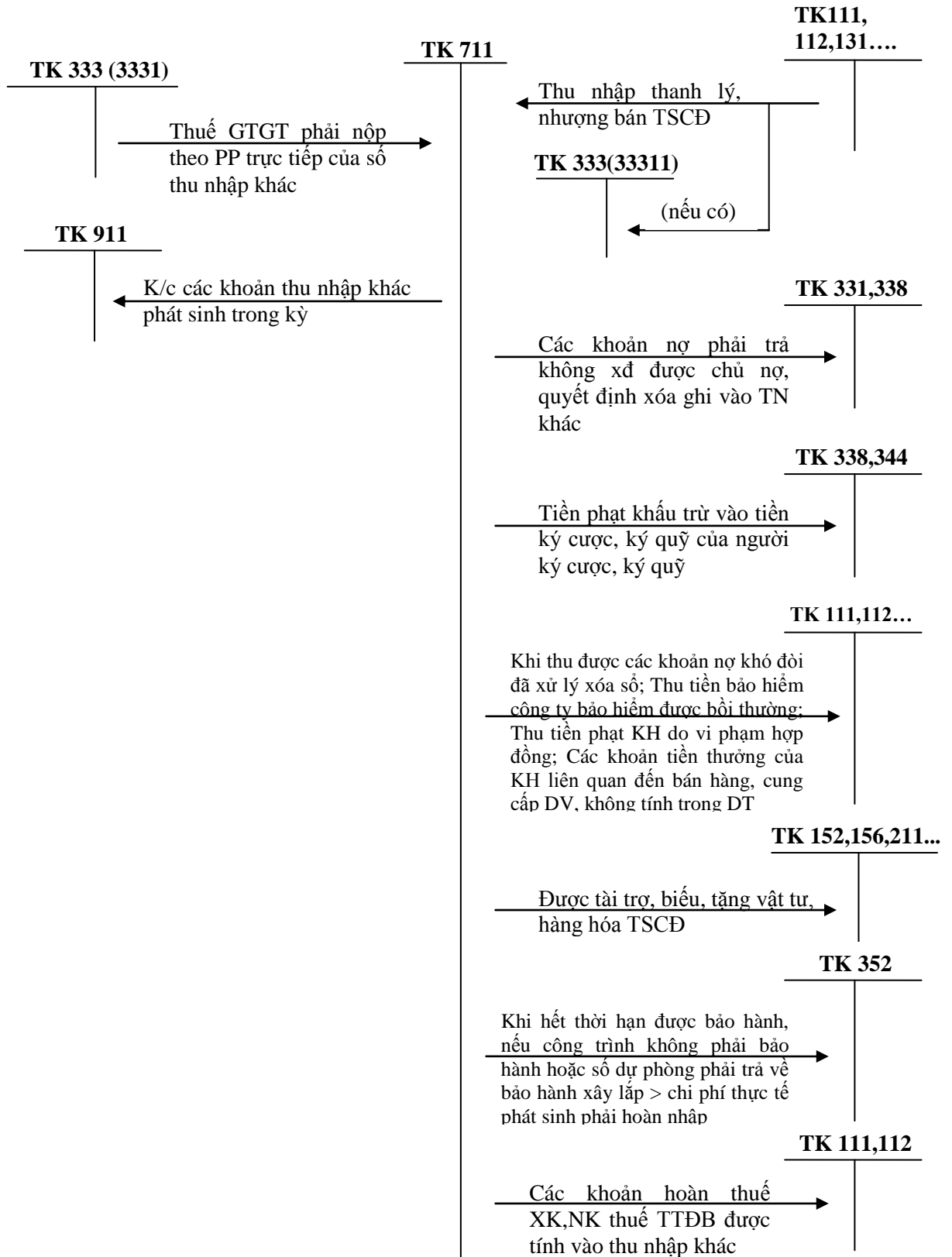
- ✓ Chứng từ sử dụng:
  - Hóa đơn giá trị gia tăng.
  - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, phiếu kế toán...
  - Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế
- ✓ Tài khoản sử dụng  
TK 711: Thu nhập khác

Kết cấu:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo PP trực tiếp với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở DN nộp thuế GTGT theo PP trực tiếp)</li><li>- Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 911</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</li></ul>	
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

**TK 711 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.10: Kế toán thu nhập khác**



## 1.3.2. Kế toán chi phí

### 1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

- Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

➤ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước rồi đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

➤ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

➤ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền.

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn*

$$\text{Trị giá BQ sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế sau lần nhập}_i}$$

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

Kết cấu:

*Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<p><b>-Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ;</li><li>+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;</li><li>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</li><li>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</li><li>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;</li></ul> <p><b>-Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</li><li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;</li><li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</li><li>- Trị giá hàng bán trả lại nhập kho.</li></ul>

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

<ul style="list-style-type: none"><li>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</li><li>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</li><li>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</li><li>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</li></ul>	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

*Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.*

**- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**

Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)	- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng bán đã xuất bán vào bên Nợ TK 911	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

**- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:**

Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.	- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TK 631: Giá thành sản xuất

Kết cấu:

Nợ	TK 631	Có
-Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ; - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.		- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”; - Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 631 không có số dư cuối kỳ.**

TK 611: Mua hàng

Kết cấu:

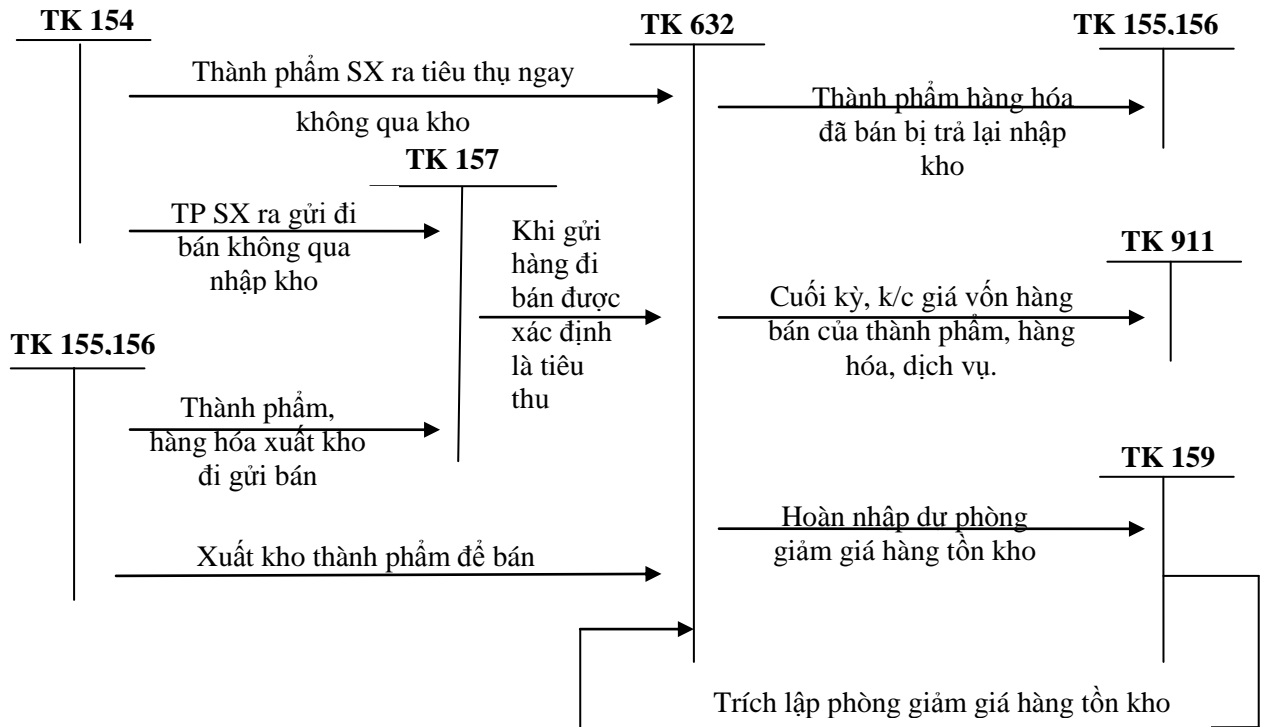
Nợ	TK 611	Có
-Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại...		- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 611 không có số dư cuối kỳ.**

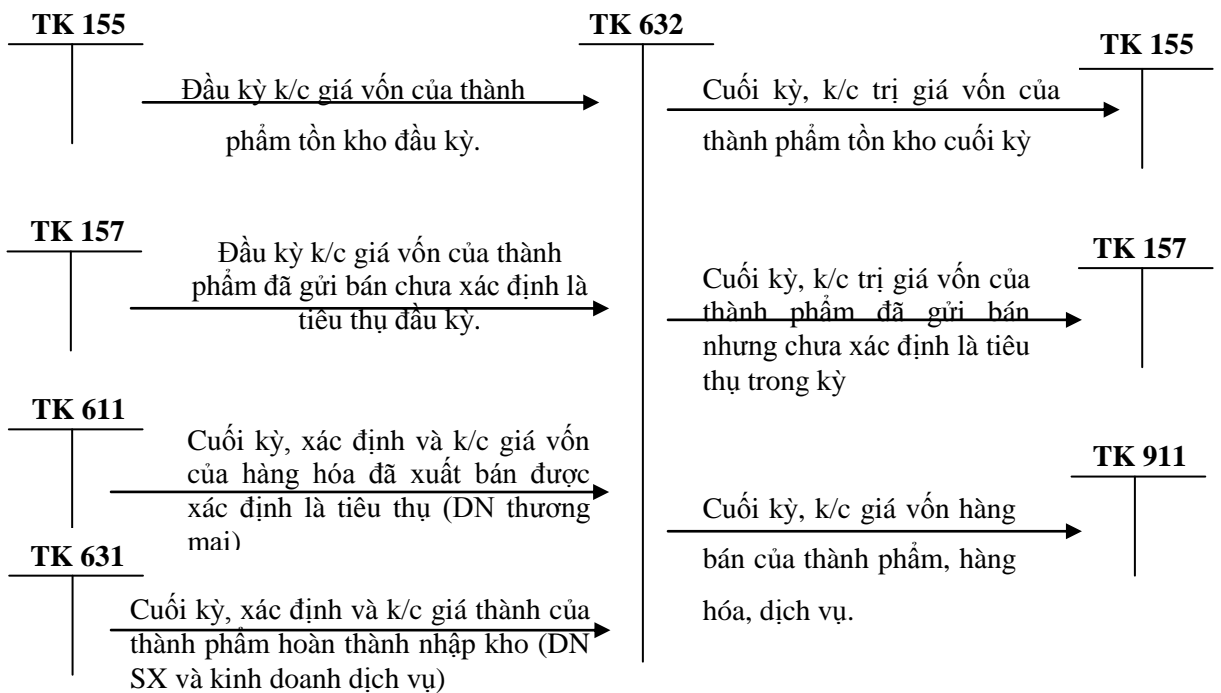
# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.11.a Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường

xuyên:



## Sơ đồ 1.11.b Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



### 1.3.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

- **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 641 : Chi phí bán hàng.
- + Kết cấu

Nợ	TK 641	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

#### TK 641 không có số dư cuối kỳ.

- + Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng.

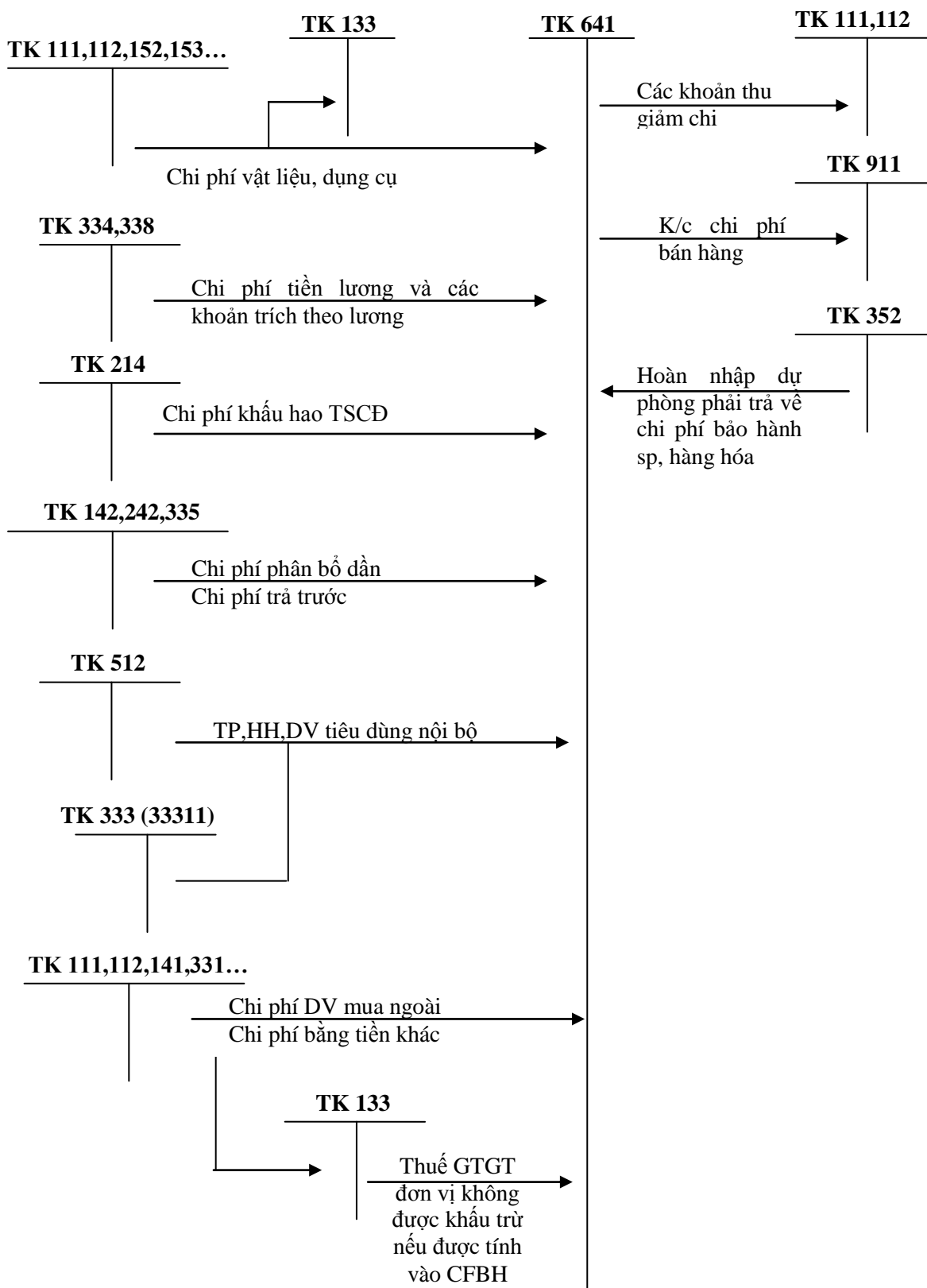
TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

## Sơ đồ 1.12. Kế toán chi phí bán hàng



### 1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Chứng từ sử dụng:**
  - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL).
  - Bảng tính và phân bổ khấu hao (Mẫu số 06-TSCĐ)
  - Bảng phân bổ NVL, công cụ, dụng cụ. (Mẫu số 07-VT)
  - Các chứng từ gốc có liên quan như: Phiếu chi, Phiếu kế toán...
- **Tài khoản sử dụng:**
  - + TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
  - + Kết cấu

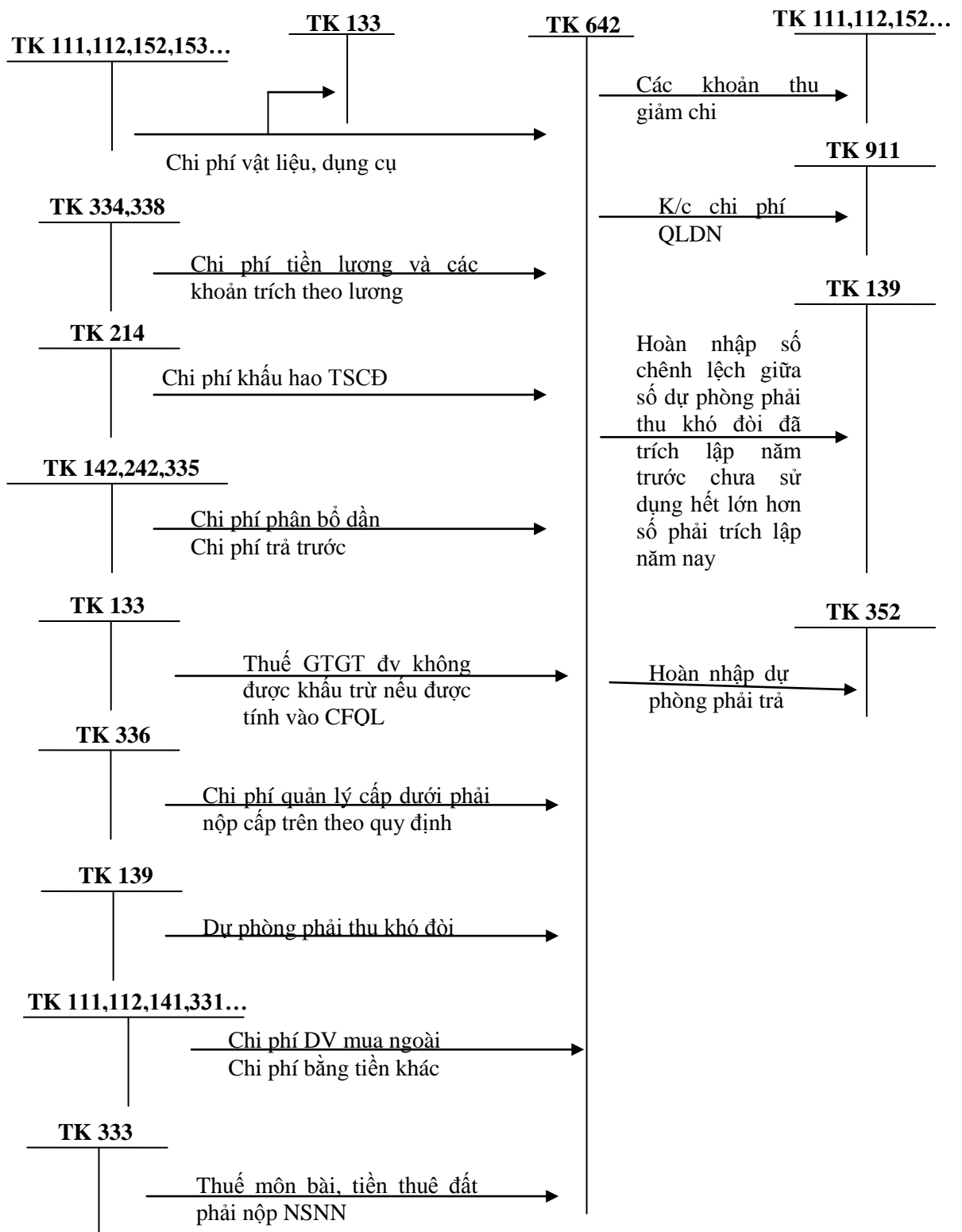
Nợ	TK 642	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí QLDN phát sinh trong kỳ		Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

#### TK 642 không có số dư cuối kỳ.

- + Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:
  - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
  - TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
  - TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
  - TK 6426: Chi phí dự phòng.
  - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.13. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.2.3. Kế toán chi phí tài chính

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, Giấy báo nợ...
- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

Kết cấu

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.</li><li>- Lãi bán ngoại tệ.</li><li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua.</li><li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.</li><li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.</li><li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.</li><li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li><li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.</li><li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).</li><li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li></ul>	
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

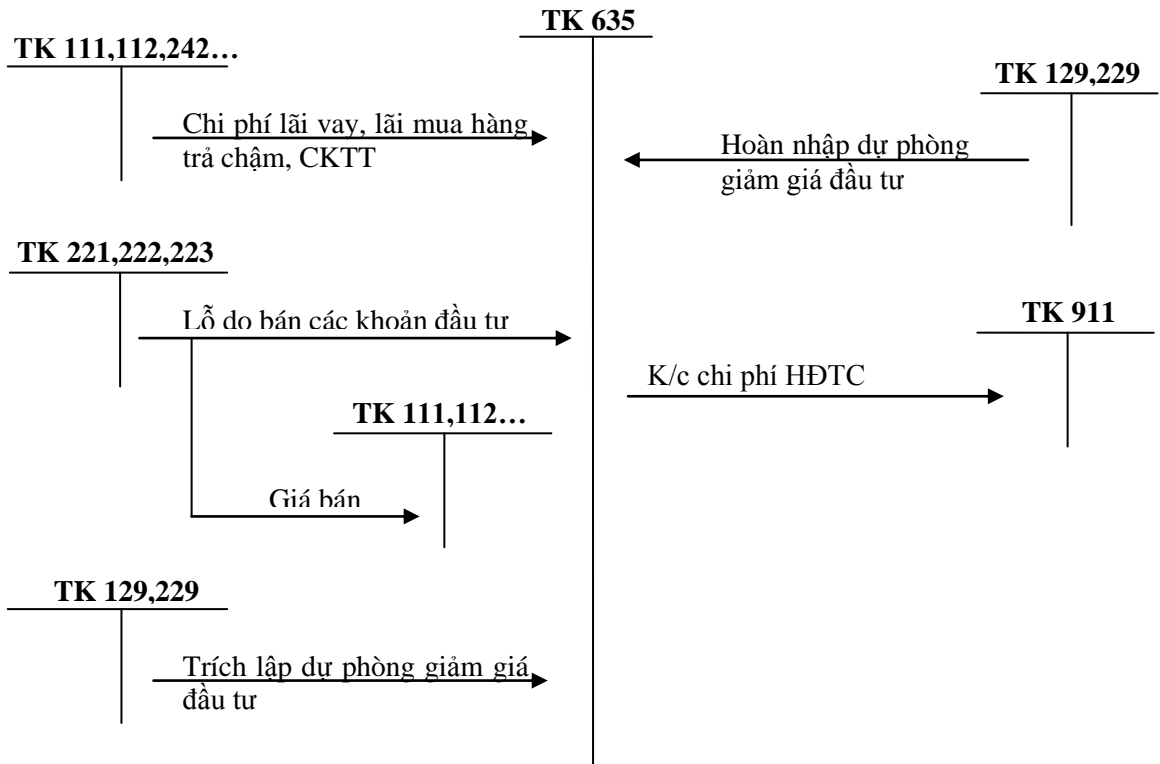
**TK 635 không có số dư cuối kỳ.**



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

• *Sơ đồ hạch toán*

**Sơ đồ 1.14. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.3.2.4. Kế toán chi phí khác**

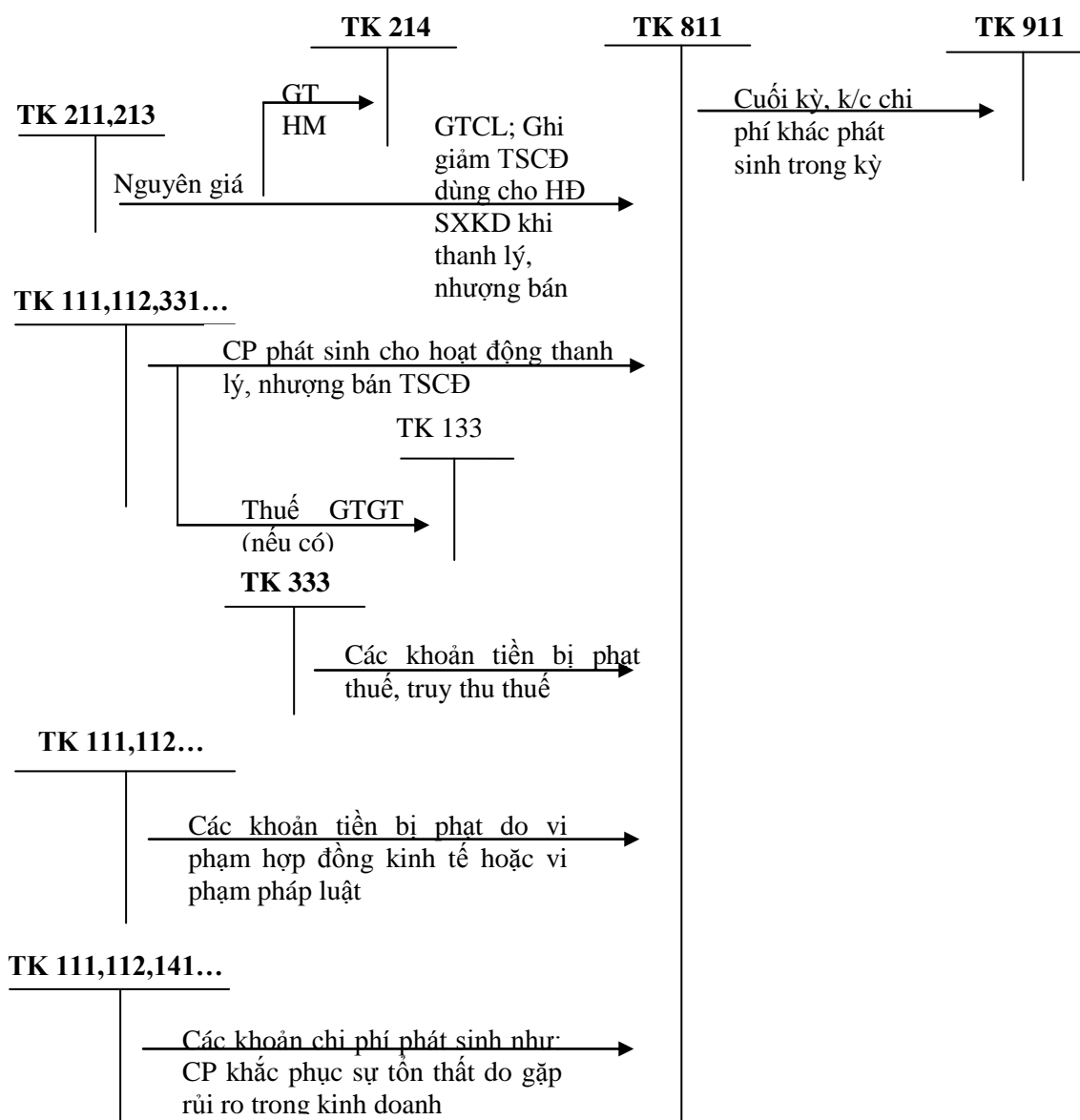
- **Chứng từ sử dụng:** Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Phiếu chi....
- **Tài khoản sử dụng:** TK 811- "Chi phí khác".

Kết cấu

Nợ	TK 811	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ.		K/c chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 811 không có số dư cuối kỳ.**

**Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**  
TK 821: Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Kết cấu:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;</li><li>- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí TNDN của năm hiện tại;</li><li>- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm;</li><li>- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm lớn hơn tài sản</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;</li><li>- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;</li><li>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại;</li><li>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả</li></ul>

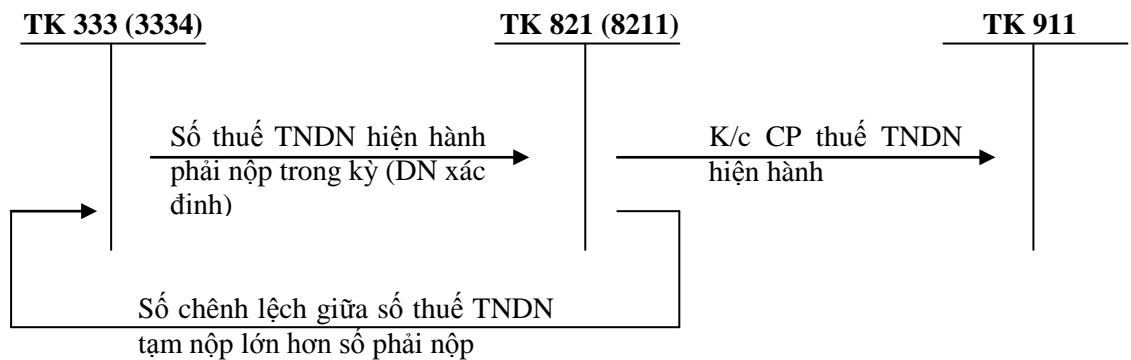
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm; - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên có TK 911.	phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

**TK 821 không có số dư cuối kỳ.**

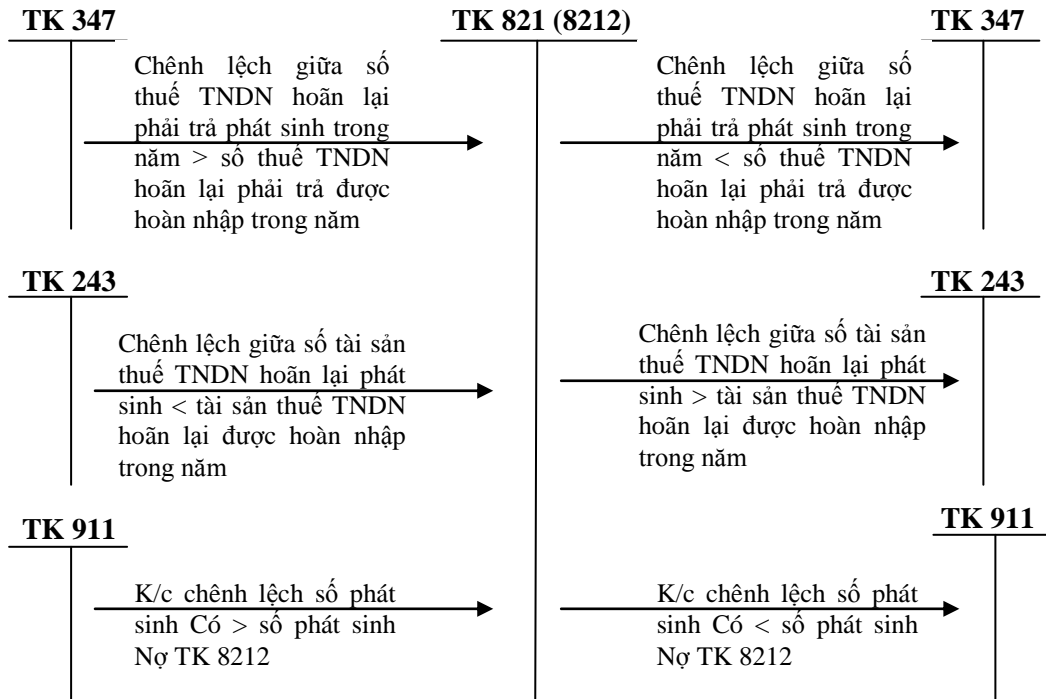
- **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.16a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.16b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



### 1.3.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

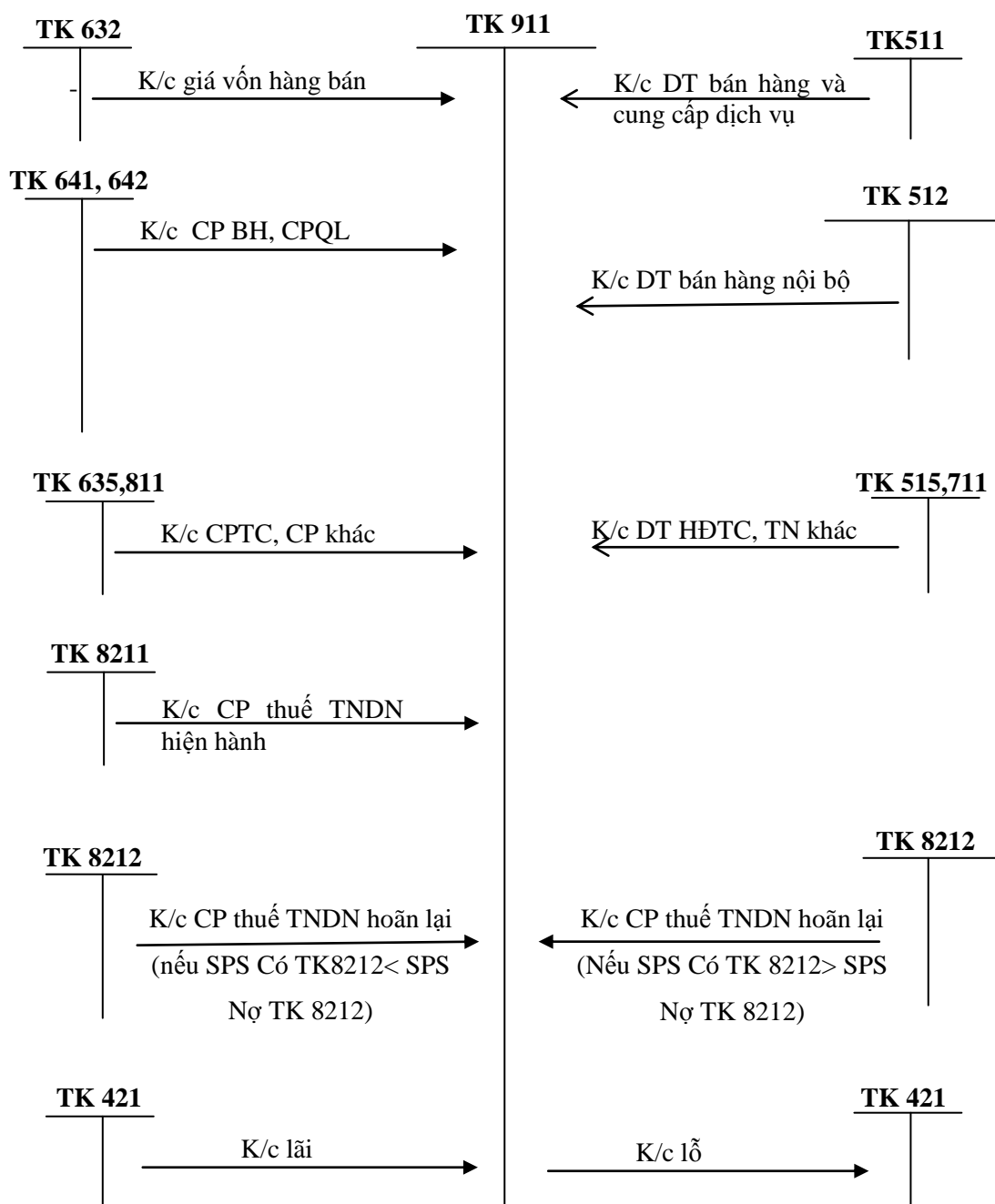
Kết cấu

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

**TK 911 không có số dư cuối kỳ**

- Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.17: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



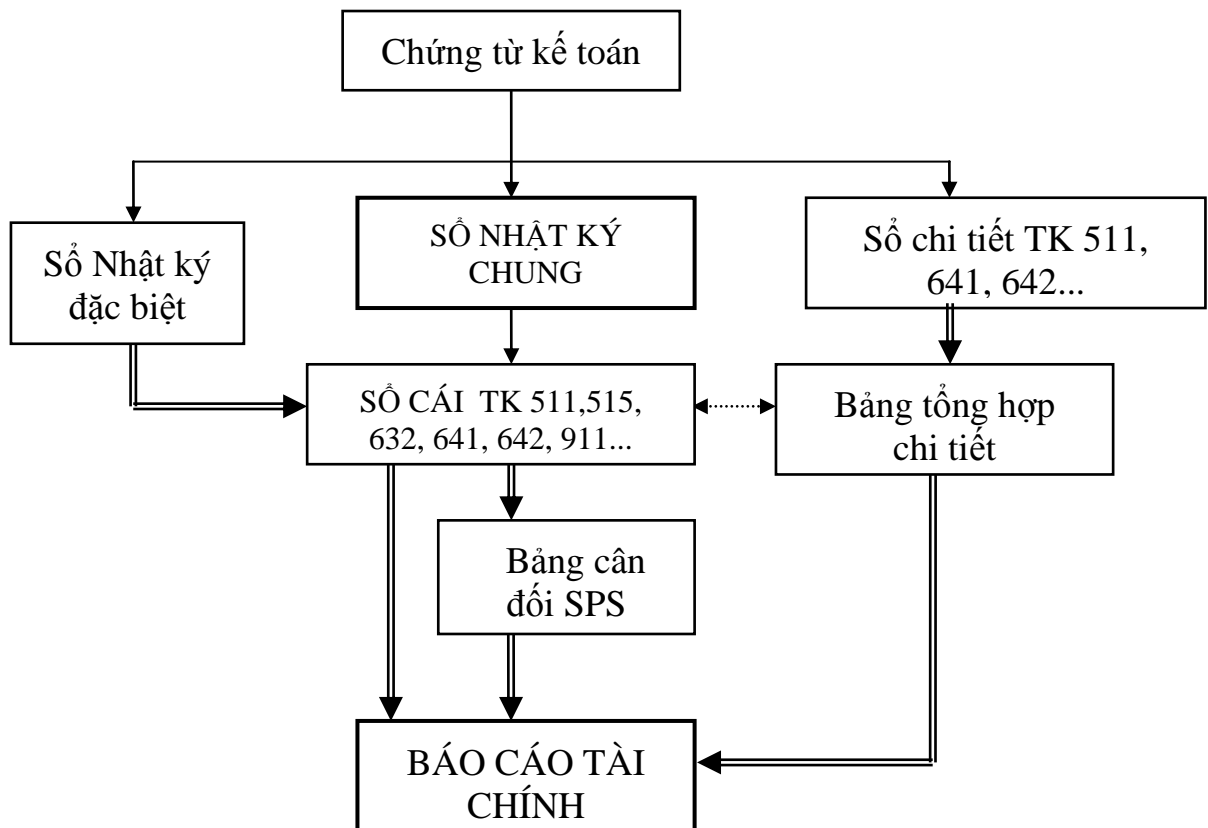
**1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.**

**1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung*



**Ghi chú :** Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ       $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra       $\longleftrightarrow$

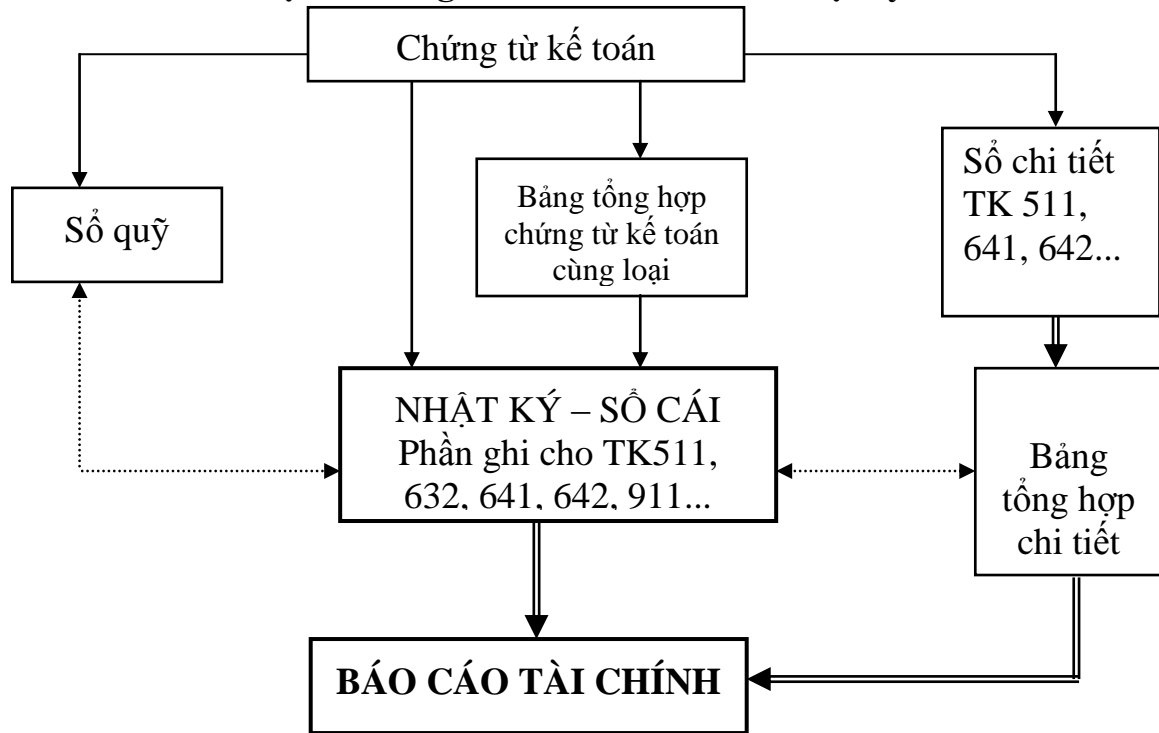
**1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.19: trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký - sổ cái**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày                       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ                                       $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra                       $\longleftrightarrow$



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## 1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

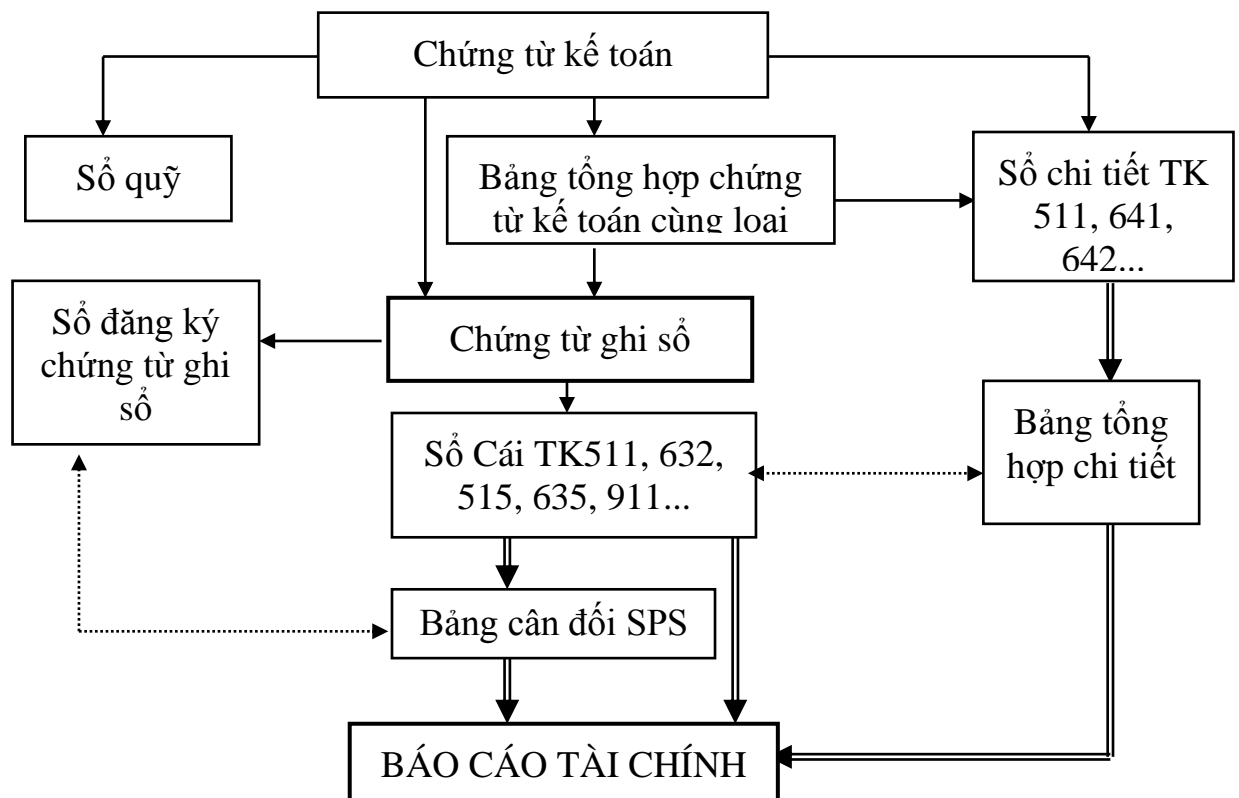
- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán gồm các sổ: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết..

Sơ đồ 1.20 : Trình tự ghi sổ kế toán Theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

## 1.4.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

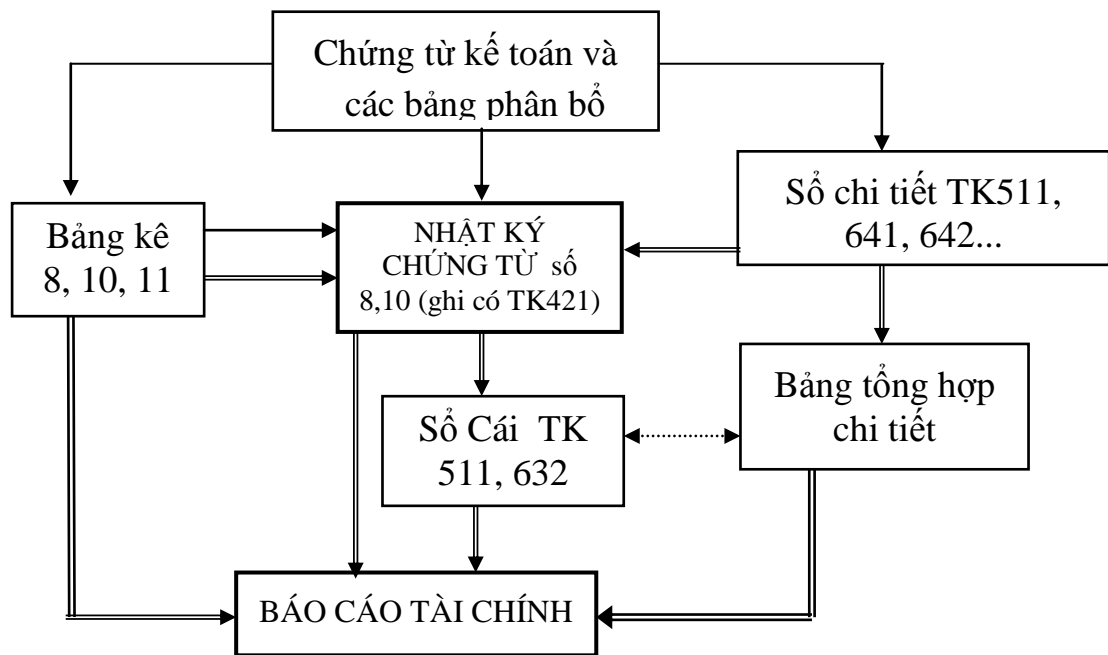
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ:: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- Ghi định kỳ  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

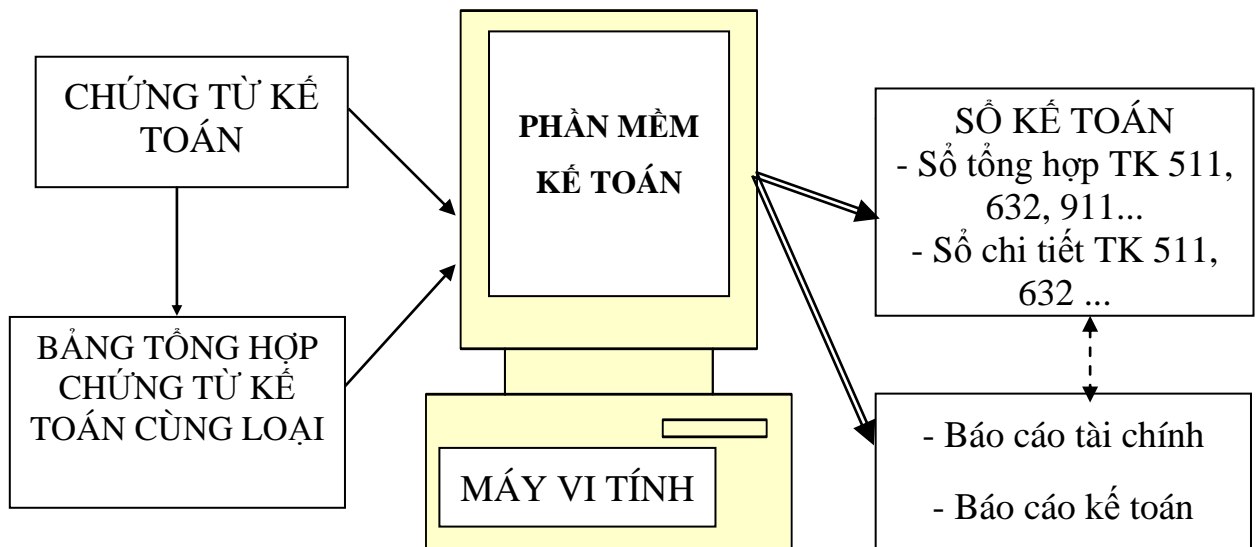
## 1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.22. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.**



**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY**

**2.1.KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY.**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.**

Công ty Cổ phần Xuân Thủy được thành lập theo giấy phép số 0203002326 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh 15/06/2005.

Trụ sở giao dịch của công ty đặt tại : Phi Liệt, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Cơ sở sản xuất: bến cảng sông Kinh Thầy, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.647.360

Fax: 0313.647.069

Số vốn điều lệ của công ty là : 6.250.000.000 đồng

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Bên cạnh những kết quả đạt được, công ty cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động:

- Sản phẩm xi măng của công ty còn phải cạnh tranh với những sản phẩm có tên tuổi và thành lập lâu đời như xi măng Chinfon, Bim Sơn....

- Việc mất điện thường xuyên trong mùa cao điểm cùng với giá xăng dầu tăng cao làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công ty thành lập được 5 năm nên tuổi đời còn non trẻ, kinh nghiệm quản lý còn yếu.

- Những tác động của nền kinh tế thị trường, chính sách kinh tế của Nhà nước cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp....

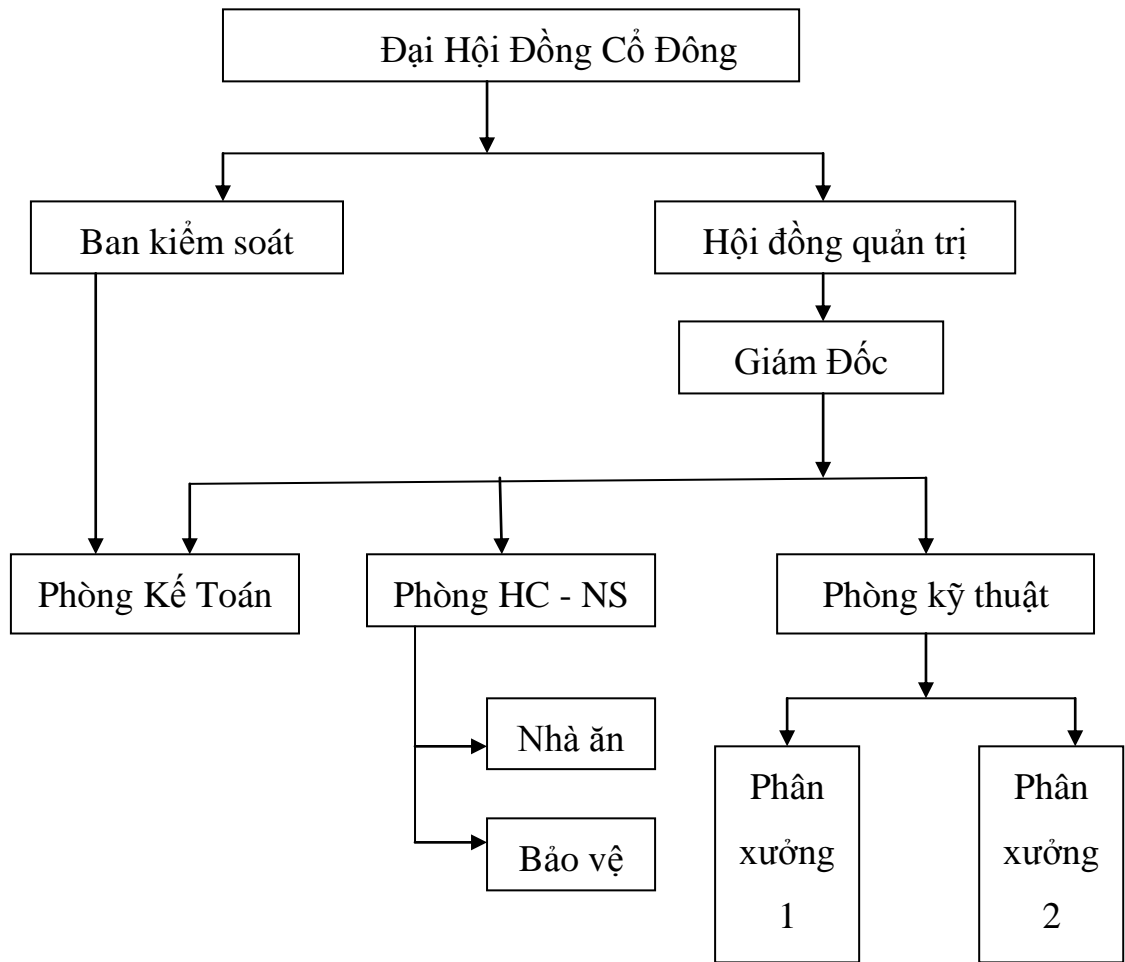
### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

- Sản xuất kinh doanh bột đá
- Sản xuất xi măng trắng
- Sản xuất bột bả, nghiền CLINKER
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



#### Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Xuân Thủy.

- Đại hội đồng cổ đông:
  - Thông qua định hướng phát triển công ty.
  - Quyết định mức cổ tức hàng năm, bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát
    - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
  - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- **Hội đồng Quản trị :**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác, quyết định mức lương và lợi ích của những người quản lý.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- **Giám đốc:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thường ngày của công ty.

- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty.

- Tuyển dụng lao động.

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

- **Ban kiểm soát:**

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp,

- **Phòng Hành chính–Nhân sự (HC – NS):** Nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty. Quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty và thực hiện các công tác lao động tiền lương. Hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn.

- Bộ phận nhà bếp: đảm bảo đủ khẩu phần ăn cho nhân viên trong công ty, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, chuẩn bị nước uống cho các bộ phận trong công ty.

- Phòng bảo vệ: đảm bảo an ninh trật tự trong công ty, bảo vệ tài sản cho công ty.

- **Phòng tài chính kế toán:** (chi tiết phần 2.1.4)

- **Phòng kỹ thuật:**

- Giám sát về mặt chất lượng nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm.

- Giám sát hoạt động sản xuất của hai phân xưởng.

- Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục.

- Giám sát và chịu trách nhiệm về tình trạng máy móc thiết bị.

- **Phân xưởng 1:**

Sản xuất và vận hành máy để sản xuất ra xi măng trắng.



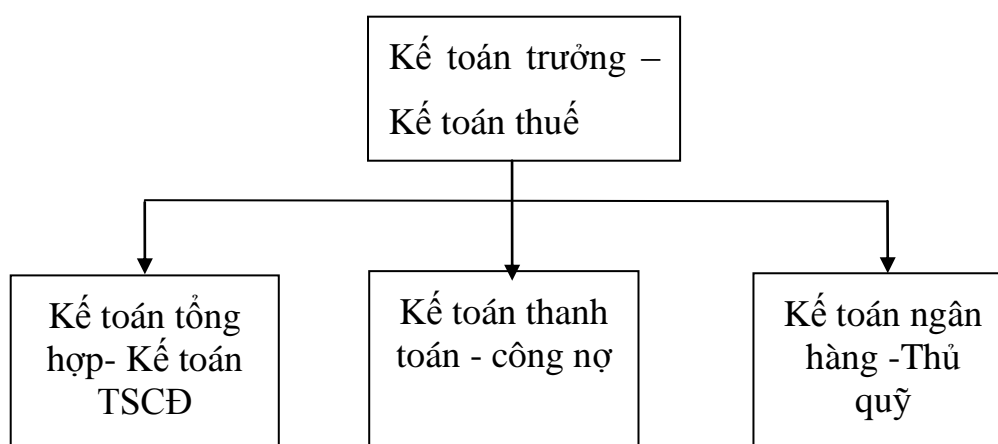
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Phân xưởng 2:**

Tổ chức đóng gói, tập kết hàng vào kho hoặc vận chuyển cho khách hàng

### 2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Xuân Thủy

Bộ máy kế toán của công ty cổ phần Xuân Thủy được tổ chức theo mô hình tập trung:



### Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần Xuân Thủy

Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng kế toán của công ty cổ phần Xuân Thủy

- **Kế toán trưởng** (đồng thời là kế toán thuế):
  - Điều hành , chỉ đạo công tác kế toán tại công ty:
  - + Sắp xếp, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khả năng chuyên môn của từng nhân viên kế toán.
  - + Phổ biến, hướng dẫn các nghiệp vụ tài chính và các thông tư, quyết định mới... của Bộ tài chính có liên quan đến hoạt động kế toán của công ty
  - Chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của công ty, trợ giúp giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả.
  - Xác định các khoản thuế, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định, lập báo cáo tài chính.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- **Kế toán tổng hợp:**

Tổng hợp số liệu, chứng từ, xác định kết quả kinh doanh trong từng kỳ, lập bảng lương, tổng hợp công tác thu hồi vốn và công nợ, tổng hợp chi phí và tính giá thành, theo dõi, phân bổ và tính khấu hao tài sản cố định của công ty.

- **Kế toán thanh toán và theo dõi công nợ:**

Lập chứng từ thu-chi, thanh toán. Cân đối, lập kế hoạch công nợ và theo dõi, đối chiếu công nợ với khách hàng

- **Kế toán ngân hàng- Thủ quỹ:**

Quản lý tiền mặt, theo dõi và đối chiếu các khoản tiền gửi ngân hàng. Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở những chứng từ hợp lý, hợp pháp đã được duyệt. Ghi sổ quỹ, lập báo cáo quỹ cuối ngày.

### **2.1.5. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Xuân Thủy.**

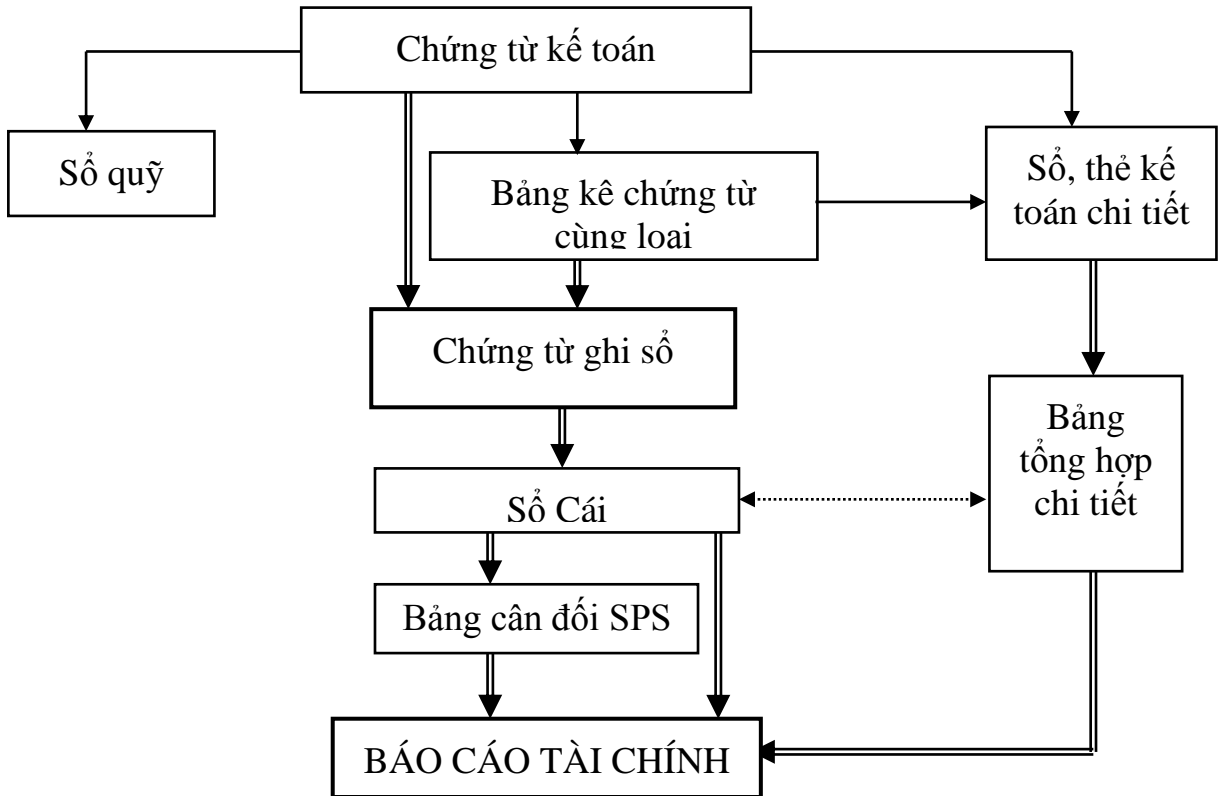
- Công ty Cổ phần Xuân Thủy áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số **15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.**

- **Các phương pháp kế toán đang áp dụng:**

- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song.
- Tính giá xuất kho: theo phương pháp thực tế đích danh.
- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Tính giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Tính giá thành: Theo phương pháp trực tiếp.

- **Hình thức kế toán áp dụng:**

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh công ty cổ phần Xuân Thủy đã lựa chọn hình thức kế toán “**Chứng từ ghi sổ**”.



Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-...->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán lập bảng kê chứng từ cùng loại. Đồng thời các chứng từ kế toán được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán, Bảng kê chứng từ cùng loại để lập các Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào các Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Cuối năm, kế toán phải khóa sổ tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết( được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY.**

**2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu hoạt động tài chính; Thu nhập khác.**

**2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.**

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

• **Phương thức bán hàng của công ty:**

Phương thức bán hàng trực tiếp.

• **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt.
- Chuyển khoản.
- Chưa thanh toán.

• **Tài khoản sử dụng:**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

• **Chứng từ sử dụng:**

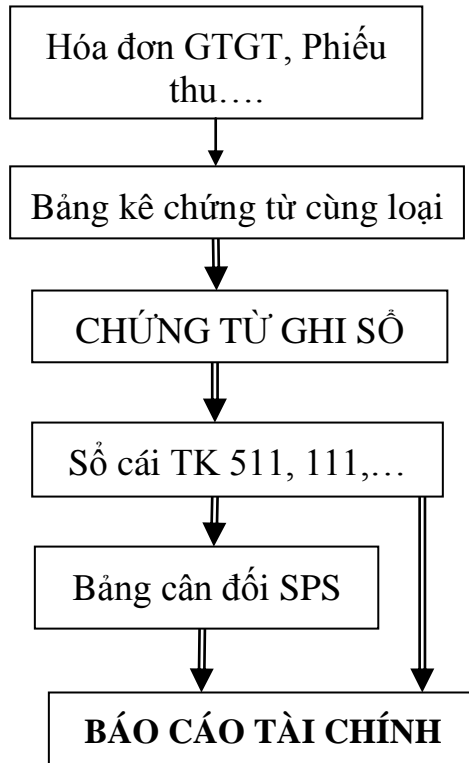
- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT – 3LL)
- Phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo có...

• **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 511.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



### Ví dụ 2.1

Ngày 20 tháng 11 năm 2010 xuất kho bán cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân 15 tấn xi măng GAMA HP PC 30, đơn giá 1.792.727,27đồng/ tấn (giá chưa thuế VAT 10%), đã thu bằng tiền mặt.

Quy trình hạch toán:

1. Kế toán viết Hóa đơn GTGT số 0085215, Phiếu thu 423.
2. Căn cứ vào Phiếu thu 423 vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Ghi nợ TK 111).
3. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại ghi vào Chứng từ ghi sổ số 1/11.
4. Cuối tháng, căn cứ vào các Chứng từ ghi sổ số 1/11 kế toán ghi vào Sổ cái TK 511.



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## Biểu số 2.1.2:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU THU**

Ngày 20/11/2010

Quyển số:.....

Số: 423

Ghi nợ: 111

Ghi có: 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: Trần Quang Huy

Địa chỉ: Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Nhân.

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng.

Số tiền: 29.580.000 (Viết bằng chữ): Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo 1 chứng từ kế toán.

Ngày 20 tháng 11 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu số 2.1.3:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

### BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 11 năm 2010

Ghi Nợ TK 111

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK111	Có các TK đối ứng				
				511	3331	112	131	515
NT	SH	.....						
15/11	PT 412	Bán hàng cho cty TNHH Thuận Hưng	11.832.000	10.756.364	1.075.636			
15/11	PT 413	Chiết khấu thanh toán được hưởng từ xí nghiệp Tân Phong	1.571.636					1.571.636
16/11	PT414	Bán hàng cho Cty TNHH Trung Đức	29.580.000	26.890.909	2.689.091			

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

		.....						
18/11	PT 420	Rút TGNH về nhập quỹ	250.000.000			250.000.000		
		.....						
<b>20/11</b>	<b>PT423</b>	<b>Bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân</b>	<b>29.580.000</b>	<b>26.890.909</b>	<b>2.689.091</b>			
20/11	PT 424	Cty CP TM Yên Viên thanh toán tiền hàng	30.00.000				30.000.000	
		.....						
27/11	PT 432	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân thanh toán tiền hàng	37.000.000				37.00.000	
		.....						
		<b>Cộng</b>	<b>560.146.236</b>	<b>158.186.000</b>	<b>15.818.600</b>	<b>250.000.000</b>	<b>134.570.000</b>	<b>1.571.636</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người lập**

Ký, họ tên

**Kế toán trưởng**

Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.4:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 1/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
<b>Doanh thu bán hàng thu bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>	<b>511</b>	<b>158.186.000</b>	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	15.818.600	
Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	250.000.000	
Thu tiền bán hàng	111	131	134.570.000	
Chiết khấu thanh toán được hưởng	111	515	1.571.636	
<b>Cộng</b>			<b>560.146.236</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
Ký,họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.1.5:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
<b>30/11</b>	<b>1/11</b>	<b>30/11</b>	<b>Doanh thu bán hàng thu bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>		<b>158.186.000</b>
30/11	3/11	30/11	Doanh thu bán hàng thu bằng TGNH	112		100.000.000
30/11	5/11	30/11	Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131		394.214.000
30/11	22/11	30/11	K/c chiết khấu TM cho KH	521	2.400.000	
30/11	24/11	30/11	K/c doanh thu thuần	911	650.000.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>652.400.000</b>	<b>652.400.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

❖ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

• **Tài khoản sử dụng:**

TK 521: Chiết khấu thương mại

• **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán

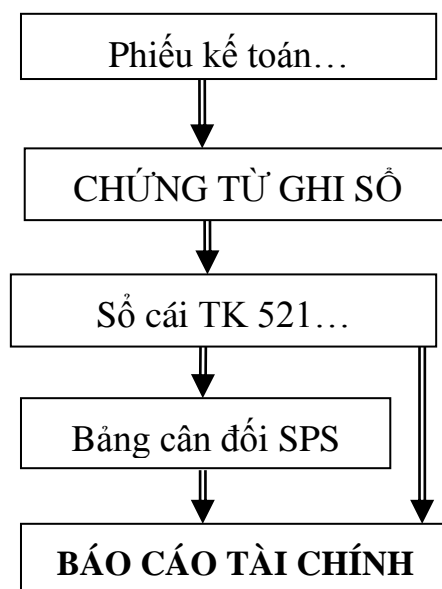
• **Sổ sách sử dụng:**

+ Chứng từ ghi sổ.

+ Sổ cái TK 521.

• **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



**Ghi chú:**

Ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

**Ví dụ 2.2**

Trong tháng 11/2010 Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân đã mua hàng với số lượng lớn tổng doanh thu từ bán hàng cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân tháng 11/ 2010 là 120.000.000. Giám đốc công ty quyết định cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân hưởng khoản chiết khấu thương mại 2%

## KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Khoản chiết khấu thương mại mà công ty dành cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân là:

$$120.000.000 \times 2\% = 2.400.000$$

Quy trình hạch toán:

1. Kế toán lập phiếu kế toán số 7/11 để phản ánh bút toán về chiết khấu thương mại.
2. Cuối tháng, căn cứ vào PKT 7/11 kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ số 6/11.
3. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 6/11 kế toán ghi vào Sổ cái TK 521.

Biểu số 2.2.1:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số 7/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Khoản chiết khấu thương mại cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	521		2.400.000	
	131			2.400.000
Thuế GTGT phải nộp của khoản chiết khấu thương mại	3331		240.000	
	131			240.000
<b>Cộng</b>			<b>2.640.000</b>	<b>2.640.000</b>

Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.2.2:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 6/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chiết khấu TM cho DN TN Thanh Nhân	521	131	2.400.000	
Thuế GTGT	3331	131	240.000	
<b>Cộng</b>			<b>2.640.000</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
Ký,họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.2.3:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Chiết khấu thương mại

Số hiệu: 521

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	6/11	30/11	Khoản chiết khấu thương mại dành cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	131	2.400.000	
30/11	22/11	30/11	K/c chiết khấu TM cho KH	511		2.400.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.400.000</b>	<b>2.400.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
Ký,họ tên

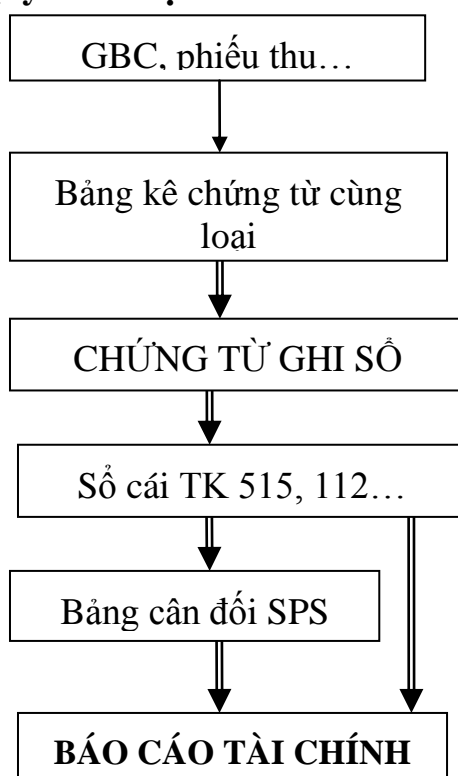


### 2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu thanh toán được hưởng.

- **Tài khoản sử dụng:** TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo có, Phiếu thu, Phiếu kế toán,...
- **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

#### Ví dụ 2.3:

Ngày 15/11/2010 công ty thanh toán sớm tiền hàng cho Xí nghiệp Tân Phong số tiền 157.163.600 và được Xí nghiệp Tân Phong cho hưởng chiết khấu thanh toán là 1%.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Quy trình hạch toán:

1. Kế toán lập Phiếu thu số 413. Căn cứ vào Phiếu thu kế toán ghi vào bảng kê chứng từ cùng loại (Ghi nợ TK 111).
2. Cuối tháng, căn cứ Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ số 1/11.
3. Cuối tháng, căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 1/11 kế toán ghi vào sổ cái TK 515.

### Biểu số 2.3.1:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU THU**

Ngày 15/11/2010

Quyển số:.....

Số: 413

Ghi nợ: 111

Ghi có: 515.

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Luyện

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp: Chiết khấu thanh toán được hưởng từ Xí nghiệp Tân Phong.

Số tiền: 1.571.636 (Viết bằng chữ): Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 11 năm 2010

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.2:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

### BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 11 năm 2010

Ghi Nợ TK 111

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK111	Có các TK đối ứng				
NT	SH			511	3331	112	131	515
		.....						
15/11	PT 412	Bán hàng cho cty TNHH Thuận Hưng	11.832.000	10.756.364	1.075.636			
<b>15/11</b>	<b>PT 413</b>	<b>Chiết khấu thanh toán được hưởng từ xí nghiệp Tân Phong</b>	<b>1.571.636</b>					<b>1.571.636</b>
16/11	PT414	Bán hàng cho Cty TNHH Trung Đức	29.580.000	26.890.909	2.689.091			
		.....						

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

18/11	PT 420	Rút TGNH về nhập quỹ	250.000.000			250.000.000		
		.....						
20/11	PT423	Bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	29.580.000	26.890.909	2.689.091			
20/11	PT 424	Cty CP TM Yên Viên thanh toán tiền hàng	30.00.000				30.000.000	
		.....						
27/11	PT 432	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân thanh toán tiền hàng	37.000.000				37.00.000	
		.....						
		<b>Cộng</b>	<b>560.146.236</b>	<b>158.186.000</b>	<b>15.818.600</b>	<b>250.000.000</b>	<b>134.570.000</b>	<b>1.571.636</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người lập**

Ký, họ tên

**Kế toán trưởng**

Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.3.3:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 1/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng thu tiền bằng tiền mặt	111	511	158.186.000	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	15.818.600	
Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	250.000.000	
Thu tiền bán hàng	111	131	134.570.000	
<b>Chiết khấu thanh toán được hưởng</b>	<b>111</b>	<b>515</b>	<b>1.571.636</b>	
<b>Cộng</b>			<b>560.146.236</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Ký,họ tên

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.4:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

NTG S	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	1/11	30/11	Chiết khấu thanh toán được hưởng	111		1.571.636
30/11	24/11	30/11	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	911	1.571.636	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.571.636</b>	<b>1.571.636</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

#### 2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác

- **Nội dung thu nhập khác của công ty:**

- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- **Tài khoản sử dụng:** TK 711

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán, Phiếu thu....

- **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.

- Sổ cái TK 711

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản thu nhập khác.

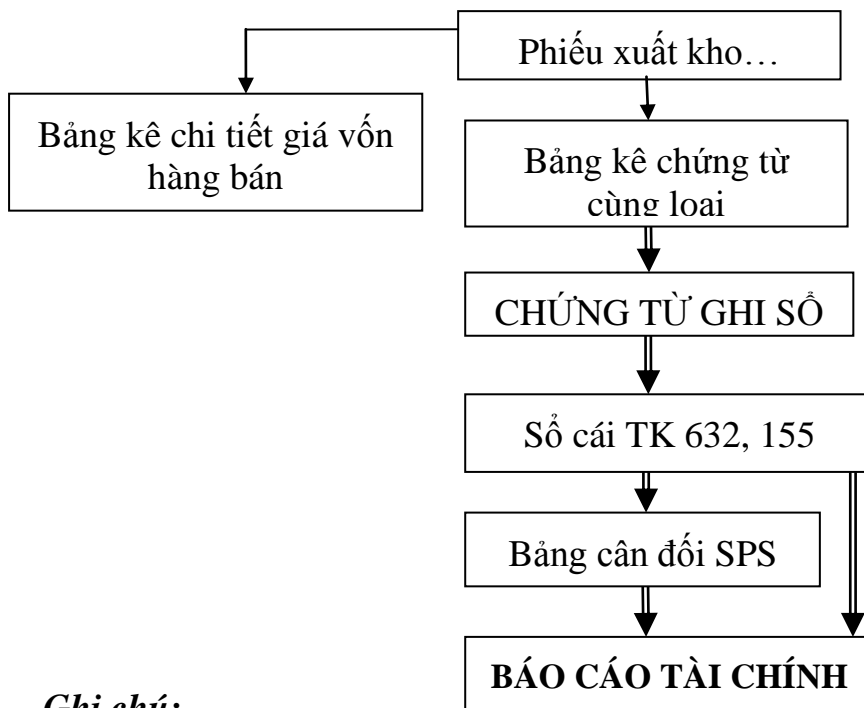
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác tại Công ty Cổ phần Xuân Thủy.

#### 2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán.

- **Phương pháp tính giá hàng xuất kho:** phương pháp thực tế đích danh.
- **Tài khoản sử dụng:**  
TK 632: Giá vốn hàng bán.
- **Các chứng từ, sổ sách sử dụng:**
  - Phiếu xuất kho.
  - Bảng kê chi tiết giá vốn hàng bán.
  - Bảng kê chứng từ cùng loại.
  - Chứng từ ghi sổ.
  - Sổ cái TK 632....
- **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### Ví dụ 2.3:

**Ngày 20 tháng 11 năm 2010 xuất kho thành phẩm bán hàng cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân trị giá vốn 26.298.303.**

Quy trình hạch toán:

1. Lập phiếu xuất kho 248. Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi vào Bảng kê chi tiết giá vốn hàng bán, Bảng kê chứng từ cùng loại.
2. Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 15/11.
3. Cuối tháng, căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 15/11 kế toán lập Sổ cái TK 632

### Biểu số 2.3.1:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số 02 - VT

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 11 năm 2010

Nợ: 632

Số: 248

Có: 155

- Họ và tên người nhận hàng: Lương Văn Tài.
- Địa chỉ: Phòng kế toán.
- Lý do xuất: Xuất bán cho doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân.
- Xuất tại kho: Công ty.

<b>S T T</b>	<b>Tên hàng</b>	<b>Mã hàng</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá đơn vị</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xi măng	GAMA PC HP 30	Tấn	15	1.753.220,18	26.298.303	
	<b>Cộng</b>					<b>26.298.303</b>	

**Tổng số tiền (viết bằng chữ):** Hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm không ba đồng chẵn./.

Ngày 20 tháng 11 năm 2010

**Người lập phiếu**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.2:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy.

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

### BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 11/ 2010

NT	Theo CT	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
08/11	PX 222	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho cty TNHH TM & DV Tuấn Tú	20	1.783.220,18	35.664.404
12/11	PX 231	GV bán lẻ GAMA HP PC 30	90	1.783.220,18	160.489.816
13/11	PX 232	GV bán xi măng GAMA HP PC 40 cho cty CP TM Yên Viên	8	2.027.272,16	16.218.177
.....	.....	.....			
16/11	PX 241	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho cty TNHH Trung Đức	15	1.753.220,18	26.298.303
.....	.....	.....			
<b>20/11</b>	<b>PX 248</b>	<b>GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhàn</b>	<b>15</b>	<b>1.753.220,18</b>	<b>26.298.303</b>
20/11	PX 249	GV bán xi măng trắng GAMA HP PC 40 cho cty TM&DV Đức Thắng	12	2.027.272,16	24.327.266
.....	.....	.....			
26/11	PX 256	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhàn	10	1.753.220,18	17.532.202
		.....			
		<b>Cộng</b>			<b>570.375.062</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.3:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy.

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

### BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 11 năm 2010

Ghi Nợ TK 632

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền ghi Nợ TK 632	Có các TK đối ứng 155
NT	SH			
08/11	PX 222	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho cty TNHH TM & DV Tuấn Tú	35.664.404	35.664.404
12/11	PX 231	GV bán lẻ GAMA HP PC 30	160.489.816	160.489.816
13/11	PX 232	GV bán xi măng GAMA HP PC 40 cho cty CP TM Yên Viên	16.218.177	16.218.177
.....	.....	.....		
16/11	PX 241	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho cty TNHH Trung Đức	26.298.303	26.298.303
.....	.....	.....		
<b>20/11</b>	<b>PX 248</b>	<b>GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân</b>	<b>26.298.303</b>	<b>26.298.303</b>
20/11	PX 249	GV bán xi măng trắng GAMA HP PC 40 cho cty TM&DV Đức Thắng	24.327.266	24.327.266
.....	.....	.....		
26/11	PX 256	GV bán xi măng GAMA HP PC 30 cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	17.532.202	17.532.202
		.....		
		<b>Cộng</b>	<b>570.375.062</b>	<b>570.375.062</b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.3.4:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 15/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn của hàng bán	632	155	570.375.062	
<b>Cộng</b>			<b>570.375.062</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

Ký,họ tên

## Biểu số 2.3.5:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02c1 -DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	15/11	30/11	Trị giá vốn khi xuất bán thành phẩm	155	570.375.062	
30/11	25/11	30/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		570.375.062
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>570.375.062</b>	<b>570.375.062</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

Ký,họ tên

### 2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tài chính

- **Nội dung chi phí hoạt động tài chính của công ty:**

- Lãi vay ngân hàng
- Lãi vay cán bộ công nhân viên...

- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – Chi phí tài chính

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, giấy báo nợ....

- **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 635

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản chi phí hoạt động tài chính.

### 2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng.

Tại công ty trong năm 2010 không phát sinh chi phí bán hàng do:

- Năm 2010, công ty không chi quảng cáo sản phẩm.
- Nhân viên kế toán kiêm luôn nhân viên bán hàng nên không có khoản lương nhân viên bán hàng.
- Hoạt động bán hàng được diễn ra tại phòng kế toán nên không có chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công cụ dụng cụ....

### 2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty:**

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí công cụ dụng cụ.
- Khấu hao tài sản cố định.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác.
- Chi phí khác bằng tiền.

- **Tài khoản sử dụng:**

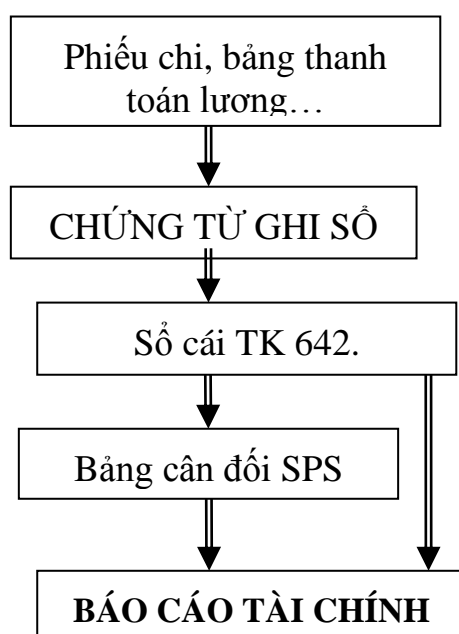
TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- **Chứng từ sử dụng:**
  - Phiếu chi, giấy báo nợ.
  - Bảng thanh toán lương
  - Bảng tính và phân bổ khấu hao ....
- **Sổ sách sử dụng:**
  - Chứng từ ghi sổ.
  - Sổ cái TK 642
- **Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**Ghi chú:**

Ghi định kỳ                       $\Longrightarrow$

**Ví dụ 2.4**

**Tính lương tháng 11/2010 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.**

Quy trình hạch toán:

1. Cuối tháng, căn cứ vào bảng thanh toán lương cho bộ phận quản lý kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ số 20/11.
2. Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ ghi sổ số 20/11 kế toán ghi vào sổ cái TK 642

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.1.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy.

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

### BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Quản lý doanh nghiệp.

Tháng 11 năm 2010.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng ngày công	Lương chính	Lương phụ	Tổng lương thanh toán	Ký nhận
1.	Vũ Đình Văn	GD	26	3.204.000	737.320	3.941.320	
2.	Nguyễn Văn Nhuận	KTT	26	2.971.100	512.800	3.483.900	
3.	Nguyễn Thị Luyện	KTV	26	2.000.000	373.200	2.373.200	
4.	Nguyễn Quang Bách	KTV	26	2.000.000	373.200	2.373.200	
5.	Đào Thị Hằng	Thủ quỹ	26	2.000.000	373.200	2.373.200	
	.....						
	Cộng			<b>27.841.260</b>	<b>8.328.740</b>	<b>36.170.000</b>	

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.4.2:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 20/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tính lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng	622	334	102.543.000	
Tính lương phải trả nhân viên quản lý phân xưởng	627	334	9.089.000	
<b>Tính lương phải trả nhân viên quản lý</b>	<b>642</b>	<b>334</b>	<b>36.170.000</b>	
<b>Cộng</b>			<b>147.802.000</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
Ký,họ tên



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.3:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số hiệu: 642

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	2/11	30/11	Chi phí QLDN phát sinh bằng tiền mặt	111	2.055.750	
30/11	4/11	30/11	Chi phí QLDN phát sinh bằng TGNH	112	2.986.285	
30/11	13/11	30/11	Khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN	214	2.166.667	
30/11	16/11	30/11	Chi phí CCDC của bộ phận quản lý	242	1.999.298	
<b>30/11</b>	<b>20/11</b>	<b>30/11</b>	<b>Tính lương trả NV QL</b>	<b>334</b>	<b>36.170.000</b>	
30/11	25/11	30/11	K/c chi phí QLDN	911		45.378.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>45.378.000</b>	<b>45.378.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

### 2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí khác.

- **Nội dung chi phí khác của công ty:**
  - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
  - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...
- **Tài khoản sử dụng:** TK 811: Chi phí khác
- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hóa đơn GTGT...
- **Sổ sách sử dụng:**
  - Chứng từ ghi sổ.
  - Sổ cái TK 811

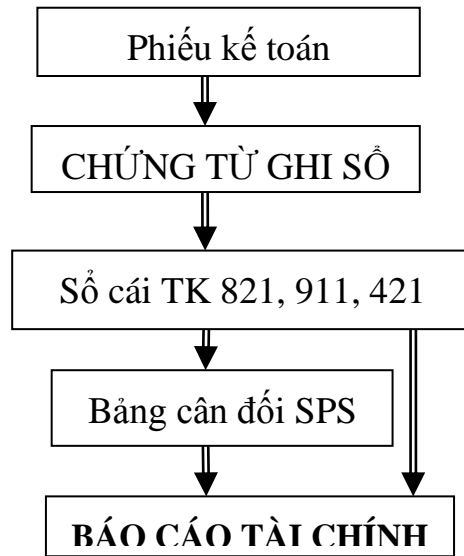
Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản chi phí khác.

### 2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- **Tài khoản sử dụng:**
  - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
  - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
  - TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- **Chứng từ sử dụng:**
  - Phiếu kế toán.
- **Sổ sách sử dụng:**
  - Các chứng từ ghi sổ
  - Sổ cái TK 821, 911, 421
- **Quy trình hạch toán:**

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: Ghi định kỳ  $\implies$

### Ví dụ 2.5

#### Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong tháng 11 năm 2010.

+ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
650.000.000	=	652.400.000	-	2.400.000

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
34.246.938	=	650.000.000	-	570.375.062	-	0	-	45.378.000

+ *Kết quả hoạt động tài chính:*

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
-----------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$1.571.636 = 1.571.636 - 0$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$0 = 0 - 0$$

+ *Lợi nhuận trước thuế:*

$$\text{LN}_{\text{TT}} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

$$35.818.574 = 34.246.938 + 1.571.636 + 0$$

+ *Chi phí thuế TNDN*

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{LN}_{\text{TT}} \times 25\%$$

$$8.954.644 = 35.818.574 \times 25\%$$

+ *Lợi nhuận sau thuế*

$$\text{LN}_{\text{ST}} = \text{LN}_{\text{TT}} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$26.863.930 = 35.818.574 - 8.954.644$$

Quy trình hạch toán:

1. Cuối tháng, kế toán lập phiếu kế toán 15/11, 16/11.
2. Cuối tháng, căn cứ vào phiếu kế toán 15/11, 16/11 kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 22/11, Chứng từ ghi sổ số 23/11, Chứng từ ghi sổ số 24/11, Chứng từ ghi sổ số 25/11.
3. Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ ghi sổ liên quan, kế toán lập Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 911 và sổ cái TK 421

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Biểu số 2.5.1:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

## PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Số 15/11

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	8211		8.954.644	
	3334			8.954.644
<b>Cộng</b>			<b>8.954.644</b>	<b>8.954.644</b>

Bằng chữ: Tám triệu chín trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng./.

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5.2:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số 16/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
K/c chiết khấu thương mại	511		2.400.000	
	521			2.400.000
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		650.000.000	
	911			650.000.000
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.571.636	
	911			1.571.636
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		570.375.062	
	632			570.375.062
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		45.378.000	
	642			45.378.000
Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		8.954.644	
	8211			8.954.644
Kết chuyển lãi	911		26.863.930	
	421			26.863.930
<b>Cộng</b>			<b>1.305.543.272</b>	<b>1.305.543.272</b>

Bảng chữ: Một tỷ ba trăm không năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng./.

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 2.5.2:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 22/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chiết khấu thương mại	511	521	2.400.000	
<b>Cộng</b>			<b>2.400.000</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

Ký,họ tên

### Biểu số 2.5.3:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 23/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	8.954.644	
<b>Cộng</b>			<b>8.954.644</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

Ký,họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5.4:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 24/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	650.000.000	
K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.571.636	
<b>Cộng</b>			<b>651.571.636</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
Ký,họ tên



# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5.5:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 25/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	570.375.062	
K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	45.378.000	
K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	8.954.644	
K/c lãi	911	421	26.863.930	
<b>Cộng</b>			<b>651.571.636</b>	

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5.6:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	23/11	30/11	Xác định thuế TNDN	3334	8.954.644	
30/11	25/11	30/11	K/c chi phí thuế TNDN	911		8.954.644
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>8.954.644</b>	<b>8.954.644</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5.7:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
30/11	24/11	30/11	K/c doanh thu thuần	511		650.000.000
			K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		1.571.636
30/11	25/11	30/11	K/c giá vốn hàng bán	632	570.375.062	
			K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	45.378.000	
			K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	8.954.644	
			K/c lãi	421	26.863.930	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>651.571.636</b>	<b>651.571.636</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập  
Ký, họ tên

Kế toán trưởng  
Ký, họ tên

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5.8:

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2010

Tên TK : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

NTGS	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>22.037.000</u></b>
30/11	25/11	30/11	Kết chuyển lãi	911		26.863.930
			<b>Cộng số phát sinh</b>			26.863.930
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>48.900.930</u></b>

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Ký,họ tên

Kế toán trưởng

Ký,họ tên

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY**

**3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN XUÂN THỦY.**

**3.1.1. Kết quả đạt được.**

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Xuân Thủy em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần Xuân Thủy đã đạt được một số kết quả sau đây:

**❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

từ những ngày đầu thành lập, tuân thủ các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

### **❖ Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ đã giúp việc quản lý và kiểm tra chứng từ thuận tiện hơn do các chứng từ ghi sổ đã được phân loại theo cùng nội dung kinh tế và do đó số lượng nghiệp vụ ghi trên sổ cái của hình thức chứng từ ghi sổ cũng được giảm bớt.

### **❖ Về chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:**

- *Chứng từ sử dụng:* Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán cũng như đảm bảo quy trình luân chuyển chứng từ đúng kế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành.
- *Tài khoản, sổ sách sử dụng:*
  - Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - Các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, sạch sẽ và đúng chế độ kế toán doanh nghiệp

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vẫn còn những hạn chế nhất định:

#### **3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng:**

Công ty chưa mở các tài khoản cấp 2 cho TK 642 dẫn đến công ty không phản ánh được chi tiết của các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng:**

- **Công ty chưa lập sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ**

Hiện nay công ty đang sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, việc thiếu sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ gây khó khăn cho việc quản lý các Chứng từ ghi sổ.

- **Công ty chưa lập Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết giá vốn hàng bán, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.**

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Công ty không tiến hành lập sổ chi tiết doanh thu, sổ chi tiết giá vốn nên không theo dõi được doanh thu tiêu thụ, giá vốn của từng mặt hàng gây khó khăn trong việc xác định lợi nhuận của từng mặt hàng.

Mặt khác doanh nghiệp không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642 nên không theo dõi được chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

### **3.1.2.3. Công ty chưa sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Hiện công ty chưa sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3.1.2.4. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán**

Tuy việc tiến hành tính toán trên Excel đã phần nào giảm tải được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm trong hạch toán kế toán nên nhà quản trị và các nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi người phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác, khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả, việc kiểm tra rà soát sai sót khó khăn vì từ thông tin tổng hợp muốn biết thông tin chi tiết phải qua rất nhiều khâu (lọc chứng từ, xem báo cáo...)

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **3.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY.**

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Xuân Thủy chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết. Vì vậy, hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết từ đó giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

### **3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THỦY.**

#### **3.3.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng:**

Để thuận tiện trong việc phản ánh chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty cổ phần Xuân Thủy có thể mở các tài khoản cấp 2 cho TK 642 như sau:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý.
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác.



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 3.3.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng:

- **Lập sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.**

Lập sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ sẽ giúp kế toán thuận tiện trong việc quản lý các chứng từ ghi sổ tránh nhầm lẫn, thiếu sót.

Sau đây là mẫu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

#### Biểu số 3.1

Đơn vị :

Mẫu số S02b - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1
<b>Cộng</b>		

Ngày      tháng      năm

Người lập

Kế toán trưởng

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Em xin lập Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 11 cho công ty cổ phần Xuân Thủy như sau:

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 3.2

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S02b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 11 Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
1/11	30/11	560.146.236
....	.....	.....
22/11	30/11	2.400.000
23/11	30/11	8.954.644
24/11	30/11	651.571.636
25/11	30/11	651.571.636
<b>Cộng</b>		

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người lập

Ký, họ tên

Kế toán trưởng

Ký, họ tên

• **Lập Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết giá vốn, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.**

- Sử dụng sổ chi tiết doanh thu, giá vốn giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

- Sử dụng Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642 giúp kế toán theo dõi được chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ từ đó giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí nếu cần thiết để góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là mẫu Sổ chi tiết doanh thu, sổ chi tiết giá vốn, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh ban hành theo QĐ 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 3.3

Đơn vị :

Địa chỉ:

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)

Năm.....

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày      tháng      năm  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.4

Đơn vị:

Địa chỉ:

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN**  
Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư  
Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Cộng phát sinh					

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 3.5

Đơn vị :

Địa chỉ:

Mẫu số S36 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 627, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản:

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra						
	SH	NT			Nợ	Có	...	...	....	...	....	.....	
			Số dư đầu kỳ										
			Số phát sinh trong kỳ										
			Cộng số phát sinh										
			Số dư cuối kỳ										

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 2.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào các Sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng.

Cụ thể: kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0085215 để vào sổ chi tiết bán hàng cho xi măng GAMA HP PC 30. Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 248 kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho sản phẩm xi măng GAMA HP PC 30

- Đối với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp ngoài việc phản ánh vào các sổ sách đã trình bày kế toán nên ghi vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Sau đây, em xin lập Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết giá vốn và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642 tháng 11 năm 2010 cho công ty cổ phần Xuân Thủy.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 3.6

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Xi măng GAMA HP PC 30

Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			.....						
16/11	0085208	16/11	Bán hàng cho Cty TNHH Trung Đức	111	15	1.792.727,27	26.890.909		
18/11	0085210	18/11	Bán hàng cho công ty TNHH P&T	131	8	1.792.727,27	14.341.818		

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

20/11	0085215	20/11	Bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	111	15	1.792.727,27	26.890.909		
			.....						
27/11	0085226	27/11	Bán hàng cho công ty thương mại và dịch vụ Đức Thắng	112	5	1.792.727,27	8.963.636		
			.....						
			Cộng số phát sinh		<b>220</b>		<b>394.399.999</b>		
			Doanh thu thuần				<b>394.399.999</b>		
			Giá vốn hàng bán				<b>385.708.440</b>		
			Lãi gộp				<b>8.691.559</b>		

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2010  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 3.7

Đơn vị: Công ty cổ phần Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

### SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư: Xi măng GAMA HP PC 30

Tháng 11 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			.....					
16/11	PX 240	16/11	Xuất bán cho công ty TNHH Trung Đức	155	15	1.753.220,18	26.298.303	
18/11	PX 244	18/11	Xuất bán cho công ty TNHH P&T	155	8	1.753.220,18	14.025.761	

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

20/11	PX 248	20/11	Xuất bán cho Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	155	15	1.753.220,18	26.298.303	
			.....					
27/11	PX 257	27/11	Xuất bán cho công ty thương mại và dịch vụ Đức Thắng	155	5	1.753.220,18	8.766.101	
			.....					
			Cộng phát sinh		<b>220</b>		<b>385.708.440</b>	

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 3.8

Đơn vị : Công ty CP Xuân Thủy

Địa chỉ: Phi Liệt – Lại Xuân – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

**Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Tháng 11 năm 2010**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra				
	SH	NT			Nợ	Có	CP nhân viên	CP CCDC	CP KH TSCĐ	CP DV mua ngoài	CP bằng tiền khác
			<b>Số dư đầu kỳ</b>								
			<b>SPS trong kỳ</b>								
5/11	HD 335076	5/11	Thanh toán tiền điện tháng 11	112	2.986.285					2.986.285	
8/11	PC 358	8/11	Trả tiền điện thoại T10	111	1.228.750					1.228.750	
30/11	PC 436	30/11	Chi phí xăng xe	111	827.000						827.000
30/11	BKH 11	30/11	Khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN	214	2.166.667				2.166.667		

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

30/11	BPB	30/11	Chi phí CCDC	242	1.999.298			1.999.298			
30/11	BTL 11	30/11	Tính lương trả NV QL	334	36.170.000		36.170.000				
30/11	PKT 16/11	30/11	K/c chi phí QLDN	911		45.378.000					
			<b>Cộng SPS</b>		<b>45.378.000</b>	<b>45.378.000</b>	<b>36.170.000</b>	<b>1.999.298</b>	<b>2.166.667</b>	<b>4.215.035</b>	<b>827.000</b>
			<b>SDCK</b>								

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

### **3.1.3. Giải pháp về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích khách hàng thanh toán tiền hàng trước hạn, rút ngắn vòng quay của vốn. Đồng thời tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

✓ **Phương pháp xác định:**

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng. Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu này không nên quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng không nên quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Công ty cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

✓ **Phương pháp hạch toán:**

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

### 3.1.4. Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- *Ít tốn thời gian*: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in ra.
- *Chính xác*: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.
- *Dễ sử dụng*: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.
- *Phát triển theo công ty*: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Đối với Ban quản lý:
  - + Nhận được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm .
  - + Có được câu trả lời nhanh từ bộ phận kế toán các câu hỏi có liên quan đến sản xuất kinh doanh.
  - + Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho ban lãnh đạo ít nhất 50%.
  - + Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- + Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của công ty.
- + Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động cả khả năng đáp ứng. Từ đó ,có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.
- Đối với Bộ phận kế toán tài chính:
  - + Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ Tài Chính và pháp luật Việt Nam .
  - + Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo các quy định.
  - + Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban Lãnh Đạo.
  - + Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số :doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền lại quỹ và ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa ...
  - + Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.
- Đối với các bộ phận khác: Quan hệ giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn , có thông tin nhanh. Phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình. Sau đây, em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay :

### **Phần mềm kế toán MISA ( Phiên bản MISA SME.NET 2010)**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 13 phân hệ nghiệp vụ: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

nhật qua internet... MISA SME.NET 2010 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để đề ra quyết định đúng đắn, kịp thời.

Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao.

Giao diện làm việc của MISA SME.NET 2010



### Phần mềm kế toán SASINNOVA (Phiên bản 6.8)

SASINNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam, được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ tài chính. Với SASINNOVA 6.8 doanh nghiệp chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS INNOVA 6.8 là: người sử dụng chỉ việc



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự (kể thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau với chức năng copy chứng từ), cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi tiền với hóa đơn mua hàng, đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán tài chính, các quy chế nội bộ..... Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm.



### Phần mềm kế toán FAST

- *Fast accounting (phiên bản 10.0)* mang những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn

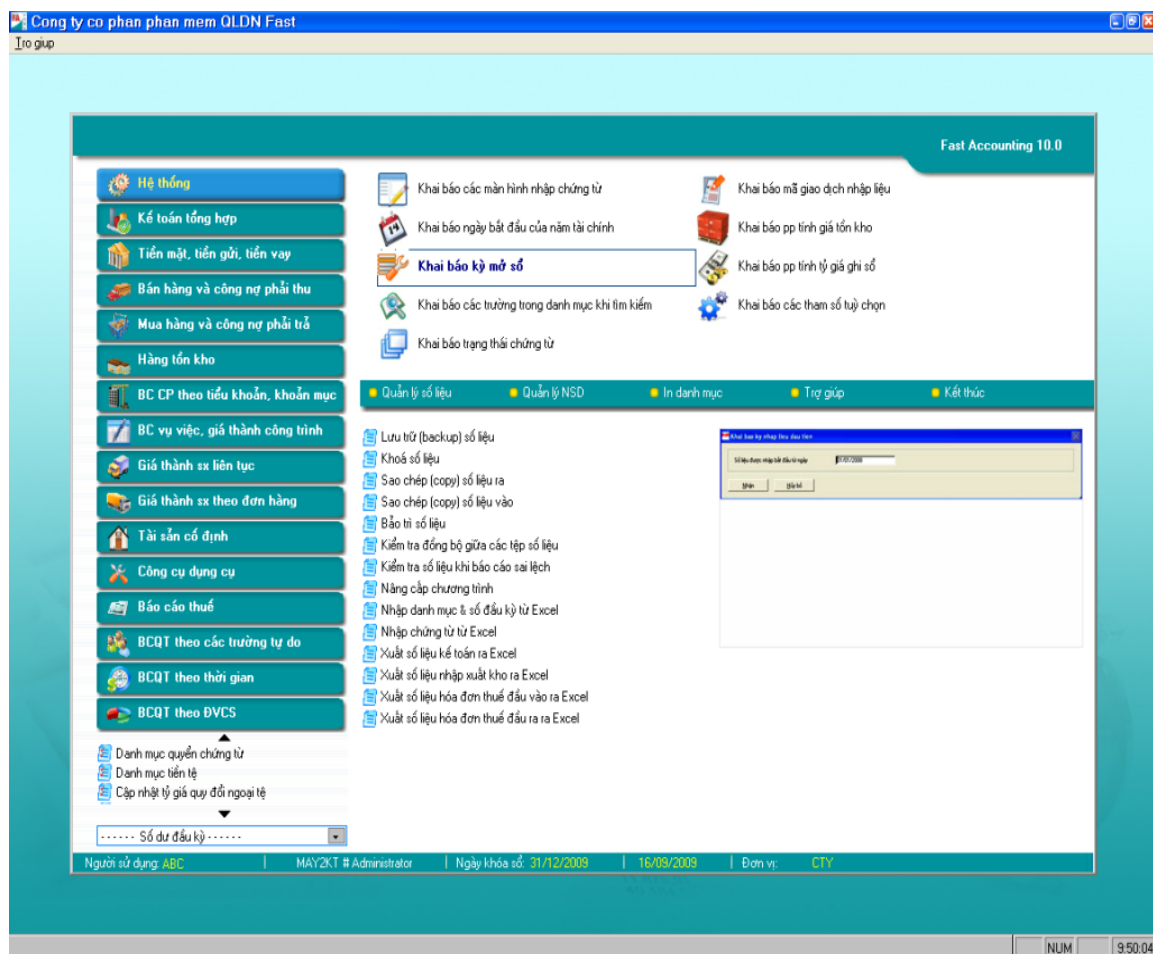
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

hình nhập liệu này sang màn hình nhập liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt.....). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- *Fast Business (phiên bản 3.1)*: được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

- *Fast Financial*: là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast accounting và Fast Business, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn. khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

Giao diện của phần mềm kế toán Fast:



## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó và được sự giúp đỡ tận tâm, nhiệt tình của Th.s Trần Thị Thanh Phương cùng các cán bộ nhân viên của công ty cổ phần Xuân Thủy, em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy, cô giáo cũng như các cô chú trong ban lãnh đạo và phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS. TS Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
3. Chuẩn mực kế toán số 14 (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/ QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính) trong Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
4. Khóa luận các khóa 9, 10 tại thư viện trường.
5. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty cổ phần Xuân Thủy.

